

KẾT QUẢ KỲ THI TIẾNG ANH ĐẦU RA
HỆ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC, VĂN BẰNG HAI CHÍNH QUY, VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2023
Ngày thi: 19/11/2023

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
1	35211020582	0001	Huỳnh Tuấn	An	27/10/1999	24	11	35	
2	35221020976	0002	Lâm Quốc	An	29/08/2000	51.5	11	62.5	ĐẠT
3	35211025133	0003	Luân Long	An	01/10/1996	34.5	16	50.5	ĐẠT
4	33211020435	0004	Nguyễn Đình	An	09/04/1996	54.5	17	71.5	ĐẠT
5	35221020105	0005	Nguyễn Đức Duy	An	03/06/2000	39	11	50	ĐẠT
6	86231480001	0006	Nguyễn Phúc Thái	An	14/09/2000	40.5	16	56.5	ĐẠT
7	35221020412	0007	Nguyễn Thị Thúy	An	28/06/1994	53	12	65	ĐẠT
8	33211020298	0008	Phạm Hoài Trường	An	22/07/1998	0	0	0	
9	35221021235	0009	Phạm Thị Thúy	An	27/08/1999	14.5	9	23.5	
10	87222020041	0010	Vũ Mỹ	An	05/01/2000	53.5	13	66.5	ĐẠT
11	35211025322	0011	Đặng Thị Lan	Anh	08/06/1999	29.5	11	40.5	
12	35211020676	0012	Đặng Tú	Anh	26/04/1991	20	9	29	
13	35221020199	0013	Đinh Thùy Kim	Anh	28/08/1997	32	13	45	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
14	HCMVB120211027	0014	Đoàn Ngọc	Anh	10/05/1993	28.5	3	31.5	
15	HCMVB120194237	0015	Hồ Liên	Anh	12/12/1997	0	0	0	
16	HCMTC20204020	0016	Hồ Thị Tú	Anh	22/10/2001	43.5	7	50.5	ĐẠU
17	35211020034	0017	Lê Thị Lan	Anh	12/02/1998	51.5	15	66.5	ĐẠU
18	86231480023	0018	Mai Thị Ngọc	Anh	03/06/1991	31.5	19	50.5	ĐẠU
19	35221020184	0019	Nguyễn Đào Hồng	Anh	09/11/1999	50.5	16	66.5	ĐẠU
20	35211025327	0020	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	27/04/2000	60.5	19	79.5	ĐẠU
21	35221025889	0021	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/11/2000	49	15	64	ĐẠU
22	HCMVB120204045	0022	Nguyễn Thị Phương	Anh	21/7/2000	43.5	15	58.5	ĐẠU
23	HCMVB120213035	0023	Nguyễn Thị Quế	Anh	19/5/1998	39	16	55	ĐẠU
24	35201025265	0024	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/11/1996	50	18	68	ĐẠU
25	HCMCD20202057	0025	Nguyễn Vũ Tuấn	Anh	16/12/1996	53	18	71	ĐẠU
26	35211025292	0026	Phạm Quế	Anh	05/04/2000	20	7	27	
27	35221020766	0027	Phạm Thị Nguyên	Anh	12/01/2001	52.5	10	62.5	ĐẠU
28	35221020013	0028	Phạm Thị Phương	Anh	05/11/2000	36.5	16	52.5	ĐẠU
29	HCMVB120204202	0029	Phạm Tú	Anh	11/02/2000	32.5	4	36.5	
30	35221020033	0030	Thái Nguyễn Tuyền	Anh	29/12/1999	38.5	16	54.5	ĐẠU
31	35211025220	0031	Tiểu Ngọc Lan	Anh	06/04/1999	33	11	44	
32	HCMVB120211079	0032	Trần Minh	Anh	20/01/1997	45.5	16	61.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
33	HCMVB120212041	0033	Trần Minh	Anh	28/07/1997	63.5	19	82.5	ĐẠT
34	88221020192	0034	Trương Mai Trúc	Anh	02/01/2000	50	15	65	ĐẠT
35	35221020006	0035	Lê Thị Quỳnh	Ái	12/02/1991	15.5	11	26.5	
36	35221020872	0036	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	02/01/2000	0	0	0	
37	35221020048	0037	La Thuận	Ân	02/09/1999	41.5	14	55.5	ĐẠT
38	HCMVB120204024	0038	Mông Siêu	Ân	14/11/1997	56.5	16	72.5	ĐẠT
39	35221021023	0039	Nguyễn Thị Hoàng	Ân	19/07/2000	38	18	56	ĐẠT
40	35221020498	0040	Phùng Ngọc	Ân	31/12/2003	0	0	0	
41	33201020229	0041	Cù Trần	Bảo	29/03/1983	39	12	51	ĐẠT
42	35221025118	0042	Hồ Gia	Bảo	15/03/2000	65	16	81	ĐẠT
43	89233020048	0043	Lê Quốc	Bảo	18/12/2000	0	0	0	
44	35221021270	0044	Nguyễn Quốc	Bảo	16/02/1999	60.5	16	76.5	ĐẠT
45	33201025301	0045	Nguyễn Thái	Bảo	30/01/1989	42.5	13	55.5	ĐẠT
46	HCMVB120213147	0046	Nguyễn Văn	Bảo	28/3/1999	24	6	30	
47	35221020411	0047	Trần Gia	Bảo	07/02/2000	63	14	77	ĐẠT
48	35211020768	0048	Lê Thị	Bằng	10/08/1992	40	12	52	ĐẠT
49	33191025391	0049	Nguyễn Văn	Bằng	22/04/1992	33	17	50	ĐẠT
50	35221020994	0050	Nguyễn Văn	Bi	02/02/1992	0	0	0	
51	35221025050	0051	Ngô Thị Ngọc	Bích	15/02/1995	59.5	18	77.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
52	86221020039	0052	Lại Đức	Bình	28/8/1999	44.5	11	55.5	ĐẠT
53	HCMVB120201027	0053	Lê Thị Tú	Bình	29/8/2000	23.5	6	29.5	
54	35221021067	0054	Nguyễn Nguyệt	Bình	31/03/2001	56.5	14	70.5	ĐẠT
55	35221020098	0055	Nguyễn Thị Thanh	Bình	09/01/2000	47.5	16	63.5	ĐẠT
56	89214020009	0056	Phạm Mai Nhật	Bình	13/01/1997	0	0	0	
57	35221025167	0057	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	24/09/1998	57	10	67	ĐẠT
58	35221025454	0058	Phạm Thị	Bích	22/11/2001	39.5	BM2	39.5	VTCP
59	35221020671	0059	Phạm Thị Ngọc	Bích	09/02/2001	35.5	15	50.5	ĐẠT
60	33211020237	0060	Trần Văn	Cao	07/05/1998	50.5	17	67.5	ĐẠT
61	86231480002	0061	Nguyễn Đức	Cảnh	09/11/1996	34	10	44	
62	33211020042	0062	Trần Thanh	Cảnh	20/01/1993	57	17	74	ĐẠT
63	HCMVB120203024	0063	Lê Mỹ	Cầm	18/07/1999	44	12	56	ĐẠT
64	HCMVB120202128	0064	Lâm Minh	Chánh	27/04/1992	39.5	15	54.5	ĐẠT
65	35221020263	0065	Đỗ Ngọc Minh	Châu	19/04/2000	27	11	38	
66	35221020825	0066	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Châu	19/02/2001	45.5	18	63.5	ĐẠT
67	33221020369	0067	Lê Ngọc	Châu	02/02/1996	36.5	15	51.5	ĐẠT
68	35221020128	0068	Nguyễn Thị Trâm	Châu	04/03/1999	39	11	50	ĐẠT
69	35221020911	0069	Thái Thị Kim	Châu	20/06/1997	0	0	0	
70	35201025295	0070	Trần Thị Kim	Châu	23/10/1989	24	8	32	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
71	35221025698	0071	Trương Thị Minh	Châu	04/11/2001	27.5	11	38.5	
72	35221020809	0072	Nguyễn Thị Kim	Chi	04/02/2000	0	0	0	
73	35221020650	0073	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	14/08/1997	0	0	0	
74	35211020237	0074	Võ Thị Kim	Chi	26/06/1997	52	15	67	ĐẠU
75	33201020434	0075	Nguyễn Quốc	Chí	05/07/1994	51.5	11	62.5	ĐẠU
76	35221020095	0076	Nguyễn Ngọc Trăng	Chín	15/03/1998	53	14	67	ĐẠU
77	35211020646	0077	Võ Bích Hương	Claudia	20/01/1994	39.5	14	53.5	ĐẠU
78	35221020164	0078	Phùng Thị Kim	Cúc	04/04/1998	32.5	10	42.5	
79	86231480024	0079	Hồ Sỹ	Cường	02/12/1999	0	0	0	
80	35221020422	0080	Huỳnh Quốc	Cường	03/09/1996	32	18	50	ĐẠU
81	35221020721	0081	Lê Hữu	Cường	06/09/1999	46.5	17	63.5	ĐẠU
82	35221020695	0082	Nguyễn Chí	Cường	08/02/2000	49.5	14	63.5	ĐẠU
83	35221020816	0083	Nguyễn Quốc	Cường	29/09/2000	0	0	0	
84	35221020530	0084	Trần Thị Thanh	Dạng	28/12/1999	41.5	10	51.5	ĐẠU
85	33201020295	0085	Dư Kiện	Dân	14/11/1993	45.5	15	60.5	ĐẠU
86	87221020071	0086	Lê Kiều	Diễm	28/06/1993	38	13	51	ĐẠU
87	35211025088	0087	Hồ Thị Thúy	Diễm	27/02/2000	56	16	72	ĐẠU
88	35211020432	0088	Âu Thị	Diễm	21/12/1997	29	9	38	
89	86231480003	0089	Bùi Thúy	Diễm	03/03/1999	39	14	53	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
90	35221021254	0090	Nguyễn Thị Ái	Diễm	27/06/1993	54	17	71	ĐẠT
91	35221020477	0091	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	12/11/1998	40.5	10	50.5	ĐẠT
92	86231480025	0092	Phạm Ngọc	Diễm	25/03/1999	20.5	18	38.5	
93	HCMVB120213210	0093	Trần Thị Ngọc	Diễm	06/10/1992	0	0	0	
94	35221020782	0094	Trương Thúy	Diễm	11/08/1996	0	0	0	
95	35221020607	0095	Dương Thị Mỹ	Diệu	10/04/1999	58	18	76	ĐẠT
96	33201025247	0096	Trần	Duẩn	01/02/1989	24.5	4	28.5	
97	35221025297	0097	Châu Thị Tuyết	Dung	11/09/1999	40	13	53	ĐẠT
98	33201025262	0098	Hoàng Thị Ngọc	Dung	30/10/1995	52.5	14	66.5	ĐẠT
99	35221020960	0099	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/04/2000	19.5	8	27.5	
100	35221020212	0100	Nguyễn Thị Thu	Dung	25/05/2000	39.5	11	50.5	ĐẠT
101	87223020045	0101	Nguyễn Thị Vân	Dung	28/7/1993	66	13	79	ĐẠT
102	35221020528	0102	Nguyễn Thùy	Dung	17/07/1999	26	14	40	
103	87233020005	0103	Phạm Thị Thu	Dung	22/03/2001	34	10	44	
104	35221020361	0104	Trần Thị	Dung	22/07/1993	20.5	9	29.5	
105	33191020460	0105	Cao Lâm Anh	Duy	18/04/1995	52.5	13	65.5	ĐẠT
106	35221020093	0106	Đặng Khánh	Duy	30/08/1996	74	16	90	ĐẠT
107	35221020090	0107	Lê Đỗ Thế	Duy	12/10/1999	60	18	78	ĐẠT
108	35221020893	0108	Nguyễn Minh	Duy	18/10/2001	51.5	12	63.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
109	35211025299	0109	Phạm	Duy	18/12/1992	32	18	50	ĐẠU
110	86231480026	0110	Bùi Thị	Duyên	08/09/1997	33.5	8	41.5	
111	33221020177	0111	Lê Thị Mỹ	Duyên	30/07/1994	61.5	17	78.5	ĐẠU
112	35221021192	0112	Lê Thị	Duyên	12/05/1994	37.5	13	50.5	ĐẠU
113	35221021010	0113	Lê Thị Mỹ	Duyên	05/05/2000	42.5	14	56.5	ĐẠU
114	35221020710	0114	Mai Thị Kim	Duyên	10/01/1999	BM2	BM2	BM2	VTCP
115	GLVB120203100	0115	Nguyễn Thị	Duyên	15/5/1988	38	9	47	
116	86231480005	0116	Nguyễn Thị Kim	Duyên	05/01/2001	24.5	3	27.5	
117	35221020634	0117	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	14/02/2000	45.5	8	53.5	ĐẠU
118	35211020505	0118	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	24/01/2000	36	17	53	ĐẠU
119	35221021228	0119	Phạm Cao Ngọc	Duyên	27/01/2000	30.5	7	37.5	
120	86231980007	0120	Phạm Thùy	Duyên	05/07/2001	42.5	8	50.5	ĐẠU
121	35211025193	0121	Trịnh Hoàng Mỹ	Duyên	19/09/2000	45.5	15	60.5	ĐẠU
122	33181020498	0122	Bùi Ngọc	Dũng	06/06/1989	69	19	88	ĐẠU
123	33221020230	0123	Hồ Quốc	Dũng	17/10/1993	61	15	76	ĐẠU
124	33211025445	0124	Nguyễn Thanh	Dũng	16/10/1984	53.5	13	66.5	ĐẠU
125	35221021020	0125	Trịnh Quốc	Dũng	02/01/2001	50	15	65	ĐẠU
126	HCMVB120191111	0126	Vũ Quốc	Dũng	29/4/1993	39	11	50	ĐẠU
127	33211025568	0127	Bùi Đoàn Thùy	Dương	22/02/1997	54.5	16	70.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
128	86231480027	0128	Đỗ Thị Bình	Dương	23/10/1998	60.5	17	77.5	ĐẠU
129	35211025569	0129	Hồ Võ Thùy	Dương	07/02/2000	47	12	59	ĐẠU
130	35221021233	0130	Lê Thị	Dương	08/12/1997	42.5	15	57.5	ĐẠU
131	35211020403	0131	Lê Thị Thùy	Dương	10/01/1999	31.5	13	44.5	
132	HCMVB120213007	0132	Nguyễn Duy	Dương	12/6/1997	59	16	75	ĐẠU
133	88221020252	0133	Vũ Thị Ánh	Dương	12/04/1995	56.5	15	71.5	ĐẠU
134	88221020258	0134	Vũ Trương Tùng	Dương	09/11/1999	56	14	70	ĐẠU
135	35221021140	0135	Hoàng Phan Tâm	Đan	05/03/1996	28	14	42	
136	86231480028	0136	Nguyễn Quế	Đan	04/05/1997	63	16	79	ĐẠU
137	35221021193	0137	Huỳnh Anh	Đài	24/12/1997	49.5	16	65.5	ĐẠU
138	HCMTC20193015	0138	Tạ Ngọc Phương	Đài	14/10/1996	41.5	14	55.5	ĐẠU
139	86221020042	0139	Trần Thị Hồng	Đào	28/10/1994	40	10	50	ĐẠU
140	35231020044	0140	Tô Văn	Đại	14/01/2000	35.5	6	41.5	
141	35221020972	0141	Bùi Đức	Đạt	24/02/2000	35.5	15	50.5	ĐẠU
142	33221025319	0142	Bùi Lê Tấn	Đạt	12/12/1994	54	18	72	ĐẠU
143	HCMVB120212119	0143	Huỳnh	Đạt	06/06/1998	53.5	15	68.5	ĐẠU
144	35221021402	0144	Nguyễn Thành	Đạt	07/12/2000	49.5	15	64.5	ĐẠU
145	33211020178	0145	Nguyễn Tiến	Đạt	10/12/1998	48.5	11	59.5	ĐẠU
146	33211020284	0146	Phạm Thành	Đạt	14/08/1996	43.5	9	52.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
147	35201020573	0147	Tăng Thành	Đạt	17/09/1995	47.5	17	64.5	ĐẠT
148	HCMVB120212140	0148	Đặng Hồng Minh	Đã	05/02/1997	52	16	68	ĐẠT
149	33181020303	0149	Phùng Nghĩa Hải	Đã	18/11/1993	0	0	0	
150	35221025053	0150	Trần Nguyễn Ánh	Đã	06/12/1997	44.5	12	56.5	ĐẠT
151	35221025790	0151	Bùi Thị	Điểm	18/10/2000	42	12	54	ĐẠT
152	35211025077	0152	Trần Thị An	Đinh	24/06/2000	41	9	50	ĐẠT
153	35211025469	0153	Phan Long	Định	10/03/2000	0	0	0	
154	33211020271	0154	Nguyễn Minh Thục	Đoan	29/05/1998	54	17	71	ĐẠT
155	35221020158	0155	Nguyễn Thị Thành	Đô	17/02/1997	0	0	0	
156	HCMVB120201056	0156	Phạm Đình	Đông	11/03/1996	40.5	12	52.5	ĐẠT
157	33201025205	0157	Bùi Trung	Đức	22/12/1993	45.5	11	56.5	ĐẠT
158	HCMCD20212163	0158	Đỗ Ngọc	Đức	12/8/1998	38.5	14	52.5	ĐẠT
159	33211020475	0159	Nguyễn Ngọc	Đức	26/12/1996	14.5	8	22.5	
160	35211025171	0160	Nguyễn Tấn	Đức	19/11/1999	0	0	0	
161	35221020553	0161	Nguyễn Thanh	Đức	21/06/1996	47.5	12	59.5	ĐẠT
162	HCMVB120184172	0162	Trương Minh	Đức	22/5/1988	29.5	5	34.5	
163	33181020035	0163	Trịnh Hoàng	Gia	22/12/1987	0	0	0	
164	35221025828	0164	Dương Trương Thị Kiều	Giang	05/12/1995	40.5	14	54.5	ĐẠT
165	35221020487	0165	Hoàng Nguyễn Trúc	Giang	03/03/1997	39	11	50	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
166	35221021089	0166	Lê Thị Hương	Giang	14/12/2001	46.5	9	55.5	ĐẠU
167	35221021128	0167	Lê Thị Tuyền	Giang	09/04/2001	42.5	14	56.5	ĐẠU
168	35211020311	0168	Nguyễn Phúc Châu	Giang	04/02/1998	38	12	50	ĐẠU
169	35221025456	0169	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	24/09/2001	61	19	80	ĐẠU
170	35221020821	0170	Nguyễn Trà	Giang	13/02/2001	0	0	0	
171	HCMCD20212059	0171	Phạm Nguyễn Trà	Giang	22/6/1999	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
172	33201020453	0172	Võ Uyên	Giang	01/07/1993	49.5	18	67.5	ĐẠU
173	33211020487	0173	Trần Hữu	Giàu	03/06/1999	31.5	13	44.5	
174	35221021056	0174	Võ Quang	Giàu	25/10/2001	27.5	12	39.5	
175	HCMVB120201145	0175	Thái Quang	Giáp	06/7/1994	BM2	BM2	BM2	VTCP
176	GLVB120203014	0176		H Ren	05/12/1987	BM2	BM2	BM2	VTCP
177	35221025617	0177	Dương Thị Bích	Hà	04/04/2001	40	10	50	ĐẠU
178	35221020791	0178	Đặng Thu	Hà	28/06/2001	36.5	16	52.5	ĐẠU
179	33191025369	0179	Hoàng Việt	Hà	28/09/1997	46.5	18	64.5	ĐẠU
180	35221020284	0180	Lê Thị Ngân	Hà	14/08/1998	35	15	50	ĐẠU
181	HCMCD20211137	0181	Lê Thị Thu	Hà	09/5/1999	0	0	0	
182	35221025571	0182	Lưu Thị Thu	Hà	27/05/2001	37.5	13	50.5	ĐẠU
183	35221020256	0183	Nguyễn Thái	Hà	14/01/2000	32	12	44	
184	35221020052	0184	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/09/1997	55	13	68	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
185	35221025269	0185	Phạm Thị Thu	Hà	06/10/2001	39	11	50	ĐẬU
186	35221020558	0186	Trần Minh	Hà	05/10/1992	31	12	43	
187	33201020277	0187	Trương Hoàng	Hà	03/02/1995	35	16	51	ĐẬU
188	35221025165	0188	Trương Thị Nhật	Hà	05/10/1999	43.5	5	48.5	
189	HCMVB120184309	0189	Văn Thy Minh	Hà	30/10/1999	43.5	11	54.5	ĐẬU
190	35221021348	0190	Võ Thị Thu	Hà	16/06/2001	46	14	60	ĐẬU
191	35221020319	0191	Lê Thị Thanh	Hải	28/12/1995	63	16	79	ĐẬU
192	33211025345	0192	Lê Văn	Hải	15/08/1989	47	8	55	ĐẬU
193	33201025173	0193	Nguyễn Trọng	Hải	11/11/1994	35.5	15	50.5	ĐẬU
194	35221020638	0194	Phan Thị Kim	Hải	20/04/1998	47	17	64	ĐẬU
195	35221020448	0195	Bùi Lâm Tú	Hảo	26/07/2000	42	15	57	ĐẬU
196	87222020096	0196	Đào Mỹ	Hảo	28/01/1996	37	18	55	ĐẬU
197	86231480029	0197	Hồ Thị	Hảo	18/02/1998	53	14	67	ĐẬU
198	35221025900	0198	Lê Thị Ngọc	Hảo	07/11/2001	48.5	17	65.5	ĐẬU
199	35221021139	0199	Lê Thị Như	Hảo	20/06/2000	47.5	15	62.5	ĐẬU
200	35221021202	0200	Nguyễn Hoài	Hảo	25/06/1992	54	12	66	ĐẬU
201	33211020268	0201	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	25/03/1995	0	0	0	
202	HCMCD20211064	0202	Tiêu Cát	Hảo	20/6/1997	44.5	16	60.5	ĐẬU
203	35221025310	0203	Lê Như	Hạ	24/08/2001	48.5	18	66.5	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
204	HCMVB120211278	0204	Bạch Thùy Mỹ	Hạnh	08/07/1991	53.5	13	66.5	ĐẠT
205	35221020084	0205	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh	28/08/1991	46	18	64	ĐẠT
206	35221021166	0206	Lê Thị	Hạnh	13/10/1995	67.5	14	81.5	ĐẠT
207	HCMVB120202041	0207	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/11/1996	49	15	64	ĐẠT
208	35211020234	0208	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	09/12/1999	45	15	60	ĐẠT
209	35221020416	0209	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/06/2001	40.5	11	51.5	ĐẠT
210	HCMVB120181258	0210	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	28/12/1986	32.5	10	42.5	
211	HCMTC20204022	0211	Trịnh Thị	Hạnh	16/02/2002	34	2	36	
212	35221025088	0212	Cao Thị	Hằng	19/05/1986	49	13	62	ĐẠT
213	35221020775	0213	Đậu Thị Thu	Hằng	21/01/2001	45	10	55	ĐẠT
214	35221020415	0214	Nguyễn Thúy	Hằng	07/07/1999	53.5	14	67.5	ĐẠT
215	HCMVB120211036	0215	Nông Thị Thanh	Hằng	11/10/2000	50	19	69	ĐẠT
216	35221020223	0216	Phan Thị Lệ	Hằng	24/08/2000	45.5	16	61.5	ĐẠT
217	35221020550	0217	Phan Thị Thanh	Hằng	31/10/1999	30	11	41	
218	35221020523	0218	Trần Hà Thanh	Hằng	26/11/1999	32	10	42	
219	33211020448	0219	Trịnh Kim	Hằng	05/02/1994	50	19	69	ĐẠT
220	87222020043	0220	Võ Thị Mỹ	Hằng	14/06/1990	27.5	4	31.5	
221	HCMVB120202106	0221	Cao Ngọc	Hân	21/06/1997	0	0	0	
222	35221020909	0222	Đoàn Gia	Hân	23/09/2001	55	12	67	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
223	35211020493	0223	Hà Thị	Hân	23/04/1996	32	8	40	
224	35221025276	0224	Nguyễn Kim	Hân	14/02/1996	BM2	BM2	BM2	VTCP
225	35221021135	0225	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hân	21/10/2000	42.5	8	50.5	ĐẬU
226	35221020593	0226	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	05/02/1998	45.5	13	58.5	ĐẬU
227	35221025485	0227	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	01/01/2001	34	11	45	
228	HCMVB120213061	0228	Phan Thục	Hân	09/04/2000	53	18	71	ĐẬU
229	HCMVB120204194	0229	Phạm Bảo Vy	Hân	18/01/1983	32.5	12	44.5	
230	HCMTC20194042	0230	Tô Gia	Hân	14/07/1998	36	15	51	ĐẬU
231	35221020945	0231	Trần Gia	Hân	26/12/2000	27	14	41	
232	35221021313	0232	Trần Trúc	Hân	31/10/2000	46	6	52	ĐẬU
233	HCMVB120211135	0233	Dương Thị Thúy	Hậu	16/4/2000	0	0	0	
234	87223020041	0234	Nguyễn Thị Kim	Hậu	20/7/1997	0	0	0	
235	35221020278	0235	Phan Thị	Hậu	06/08/1991	56.5	11	67.5	ĐẬU
236	35221021251	0236	Trần Dương Phương	Hậu	11/02/2001	63.5	11	74.5	ĐẬU
237	35221020178	0237	Bùi Minh	Hiền	24/08/1998	33	8	41	
238	86231480030	0238	Cao Thị Thu	Hiền	11/06/1997	51	17	68	ĐẬU
239	35221021271	0239	Hồ Thị Thu	Hiền	06/03/1994	20	11	31	
240	HCMVB120193039	0240	Lã Thị Thu	Hiền	06/3/1992	51.5	15	66.5	ĐẬU
241	35211025507	0241	Lê Thị Thu	Hiền	13/03/1999	37	13	50	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
242	35221021118	0242	Lê Thị Thu	Hiền	16/10/2001	36	9	45	
243	HCMCD20194034	0243	Lương Minh	Hiền	06/10/1989	47	13	60	ĐẬU
244	35211020776	0244	Nguyễn Thị	Hiền	06/02/1993	30.5	16	46.5	
245	35221025541	0245	Nguyễn Thu	Hiền	20/10/1999	37.5	8	45.5	
246	33221020197	0246	Nguyễn Vũ Thanh	Hiền	19/12/1998	62.5	15	77.5	ĐẬU
247	35221021359	0247	Phạm Nguyễn Thị Thảo	Hiền	06/12/1999	42	12	54	ĐẬU
248	33211025515	0248	Phạm Thị Thu	Hiền	01/08/1990	42.5	18	60.5	ĐẬU
249	35211020250	0249	Trần Thị Thu	Hiền	09/05/1995	53.5	19	72.5	ĐẬU
250	35221025282	0250	Vy Thị	Hiền	09/04/2001	31	7	38	
251	35221020878	0251	Lê Nguyễn Minh	Hiền	20/05/2001	44	13	57	ĐẬU
252	35211020576	0252	Lê Thị	Hiếu	10/09/1993	48	14	62	ĐẬU
253	HCMVB120192097	0253	Bùi Trung	Hiếu	26/10/1990	53.5	19	72.5	ĐẬU
254	88222020019	0254	Đỗ Thị Thu	Hiếu	09/06/1999	28.5	9	37.5	
255	89214020041	0255	Huỳnh Chí	Hiếu	10/04/1995	53.5	14	67.5	ĐẬU
256	35221021000	0256	Lưu Trung	Hiếu	08/08/1997	23	12	35	
257	35201025160	0257	Nguyễn Trọng	Hiếu	20/09/1993	8	0	8	
258	HCMVB120211201	0258	Nguyễn Trọng	Hiếu	04/08/1995	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
259	87223020335	0259	Nguyễn Trung	Hiếu	17/02/1989	36	8	44	
260	33191020345	0260	Nguyễn Vĩnh	Hiếu	08/04/1992	0	0	0	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
261	35221025573	0261	Trần Nguyễn Công	Hiếu	06/06/2001	41	13	54	ĐẠU
262	89222020107	0262	Lê Thị Ngọc	Hiệp	14/04/1999	57.5	15	72.5	ĐẠU
263	33201025385	0263	Nguyễn Trương Đức	Hiệp	07/09/1994	46	17	63	ĐẠU
264	35221020317	0264	Phạm Văn	Hiệp	04/10/1992	63.5	17	80.5	ĐẠU
265	86231480007	0265	Trần Thanh	Hiệp	22/09/2001	41	17	58	ĐẠU
266	HCMVB120213048	0266	Đỗ Kim Huỳnh	Hoa	07/4/2002	43	15	58	ĐẠU
267	87223020003	0267	Huỳnh Thị Việt	Hoa	19/7/1992	52.5	17	69.5	ĐẠU
268	35221020532	0268	Lê Thị	Hoa	13/09/2001	49.5	9	58.5	ĐẠU
269	35221020413	0269	Lê Thị	Hoan	10/02/1991	43	13	56	ĐẠU
270	35221021046	0270	Lê Thị Bích	Hoài	12/09/2000	42	8	50	ĐẠU
271	35221020937	0271	Đỗ Thị Kim	Hoàng	17/03/2000	16	6	22	
272	HCMVB120211165	0272	Lê Bảo	Hoàng	18/04/1999	25.5	12	37.5	
273	33201020212	0273	Nguyễn Anh	Hoàng	18/05/1993	37	14	51	ĐẠU
274	35221020591	0274	Nguyễn Huy	Hoàng	22/06/2000	23	13	36	
275	33221020025	0275	Phạm Huy	Hoàng	18/06/1999	51.5	13	64.5	ĐẠU
276	33201025330	0276	Trần	Hoàng	05/10/1989	56.5	11	67.5	ĐẠU
277	35221025423	0277	Trần Thị Mỹ	Hoàng	18/01/2001	38	12	50	ĐẠU
278	33211025512	0278	Dương Ngọc	Hòa	12/11/1979	47.5	11	58.5	ĐẠU
279	33211025287	0279	Lê Nguyễn Nguyệt	Hồ	08/02/1995	60.5	17	77.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
280	87224020202	0280	Hồ Diễm	Hồng	06/11/2004	0	0	0	
281	35221020465	0281	Lê Thị	Hồng	08/09/1999	54	17	71	ĐẠT
282	35221020564	0282	Nguyễn Thị	Hồng	04/07/1996	60	17	77	ĐẠT
283	35221020120	0283	Trần Thị Thu	Hồng	10/09/1999	0	0	0	
284	33201025132	0284	Trần Thị	Hợi	02/05/1995	0	0	0	
285	33211020320	0285	Bùi Thị	Huệ	07/06/1993	58	17	75	ĐẠT
286	HCMVB120213017	0286	Nguyễn Thị Kim	Huệ	16/9/1994	56.5	15	71.5	ĐẠT
287	35231020242	0287	Trần Kim	Huệ	16/04/1999	43.5	14	57.5	ĐẠT
288	33211020489	0288	Đào Hoàng	Huy	28/10/1995	60	15	75	ĐẠT
289	86231480009	0289	Huỳnh Đăng	Huy	12/08/2000	0	0	0	
290	35221020519	0290	Huỳnh Hoàng	Huy	29/11/1995	63	20	83	ĐẠT
291	33211025061	0291	Nguyễn Đình	Huy	01/03/1993	22.5	9	31.5	
292	88214020151	0292	Nguyễn Khắc	Huy	03/09/1992	59	17	76	ĐẠT
293	35221020666	0293	Nguyễn Quốc	Huy	11/07/1998	49	15	64	ĐẠT
294	35221020645	0294	Phan Đức	Huy	02/03/2000	40	13	53	ĐẠT
295	35221021071	0295	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/10/1995	46	14	60	ĐẠT
296	87222020417	0296	Phan Thị Ngọc	Huyền	02/03/1994	58	19	77	ĐẠT
297	88233020042	0297	Trần Thị Mai	Huyền	26/09/1995	0	0	0	
298	35221021101	0298	Trần Thị Phương	Huyền	02/01/1992	43.5	14	57.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
299	33201025234	0299	Hồ Lương Sữ	Huỳnh	25/12/1992	58.5	17	75.5	ĐẬU
300	HCMVB220202063	0300	Bùi Nguyễn Thanh	Hùng	13/10/1992	54.5	13	67.5	ĐẬU
301	HCMVB120203071	0301	Nguyễn Vĩnh	Hưng	18/08/1996	48	13	61	ĐẬU
302	86221020108	0302	Phan Quốc	Hưng	29/8/1997	52	12	64	ĐẬU
303	35221020718	0303	Lê Thị Kim	Hương	30/01/2001	60	6	66	ĐẬU
304	33211020243	0304	Lê Thị Xuân	Hương	06/05/1997	56.5	13	69.5	ĐẬU
305	HCMCD20203054	0305	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hương	21/9/1997	53	16	69	ĐẬU
306	35221021117	0306	Nguyễn Thị Kim	Hương	12/08/1994	0	0	0	
307	33221020428	0307	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	28/01/1987	63	16	79	ĐẬU
308	35221025011	0308	Nguyễn Thị Thanh	Hương	03/10/2000	49.5	16	65.5	ĐẬU
309	87222020071	0309	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30/8/1990	17	8	25	
310	35221021077	0310	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/10/2001	31	17	48	
311	87221020014	0311	Phan Thị Ngọc	Hương	10/07/1998	38.5	12	50.5	ĐẬU
312	35221021001	0312	Trần Thị Mỹ	Hương	06/08/1999	56.5	14	70.5	ĐẬU
313	33211020005	0313	Trương Thị Mỹ	Hương	13/08/1992	0	0	0	
314	35221020018	0314	Ngô Thị Thu	Hường	12/01/1998	52.5	18	70.5	ĐẬU
315	35221020740	0315	Võ Thị	Hường	02/03/2001	22	13	35	
316	35221021234	0316	Nguyễn Trường	Ka	10/03/1999	44	19	63	ĐẬU
317	33211020417	0317	Nguyễn Hoàng	Khang	14/09/1997	38	14	52	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
318	35211025201	0318	Nguyễn Lê Hoàng	Khang	14/03/2000	48.5	11	59.5	ĐẬU
319	HCMVB120204025	0319	Phạm Bá	Khang	20/08/1990	51	15	66	ĐẬU
320	35221020255	0320	Nguyễn Duy	Khanh	27/10/1998	55.5	18	73.5	ĐẬU
321	33201025290	0321	Hồ Ngọc Thiên	Khải	17/11/1993	55.5	17	72.5	ĐẬU
322	33201020463	0322	Nguyễn Duy	Khánh	29/06/1982	Không thi	9	9	BM2 đợt trước, chỉ thi Nghe - Hiểu
323	35221025732	0323	Vũ Xuân	Khánh	23/12/1978	37	13	50	ĐẬU
324	HCMVB220194065	0324	Lê Nguyễn Thế	Khoa	25/09/1984	44.5	15	59.5	ĐẬU
325	HCMVB120194234	0325	Nguyễn Anh	Khoa	05/02/2001	27.5	10	37.5	
326	33201020149	0326	Nguyễn Hằng	Khuyên	01/07/1996	23.5	9	32.5	
327	33211025487	0327	Cao Diễm	Kiều	23/09/1995	43.5	18	61.5	ĐẬU
328	HCMVB120203073	0328	Lê Thị	Kiều	20/11/1992	46.5	14	60.5	ĐẬU
329	87222020107	0329	Lê Thị Thúy	Kiều	12/07/2000	53	17	70	ĐẬU
330	88214020030	0330	Lục Hoàng A	Kiều	31/07/2003	26.5	13	39.5	
331	35211570008	0331	Lê Tuấn	Kiệt	22/02/1996	0	0	0	
332	33221020043	0332	Nguyễn Đoàn Thiên	Kim	10/02/1997	61.5	19	80.5	ĐẬU
333	35221025807	0333	Lưu Thị	Lai	16/01/1993	46.5	16	62.5	ĐẬU
334	33221025447	0334	Đoàn Thanh	Lam	05/07/1994	55.5	15	70.5	ĐẬU
335	35211020293	0335	Nguyễn Thị	Lam	14/03/1993	36.5	16	52.5	ĐẬU
336	33211020477	0336	Đào Thị Mỹ	Lan	26/05/1997	59.5	17	76.5	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
337	HCMVB220204124	0337	Huỳnh Ngọc	Lan	17/04/1996	35.5	9	44.5	
338	33211025119	0338	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/06/1992	54	16	70	ĐẬU
339	HCMVB120191057	0339	Nguyễn Thị Phương	Lan	12/9/1983	23	9	32	
340	HCMCD20211067	0340	Trần Thị Hoàng	Lan	12/5/1999	15.5	7	22.5	
341	87222020078	0341	Trương Thị Hương	Lan	11/01/1991	45.5	14	59.5	ĐẬU
342	35221020566	0342	Nguyễn Thị Ngọc	Lài	13/01/1989	57	18	75	ĐẬU
343	35221020038	0343	Nguyễn Thị Bích	Lành	14/01/2000	41	15	56	ĐẬU
344	35211020706	0344	Nguyễn Thị Thúy	Lành	10/01/1998	48	8	56	ĐẬU
345	35221021200	0345	Nguyễn Thị Xuân	Lành	14/12/2000	55	20	75	ĐẬU
346	88214020072	0346	Hàng Hải	Lăng	01/09/1996	56	15	71	ĐẬU
347	35221021401	0347	Đào Xí	Lâm	19/12/2001	47.5	14	61.5	ĐẬU
348	33181020485	0348	Nguyễn Kim	Lâm	18/12/1968	49	14	63	ĐẬU
349	89222020097	0349	Phạm Tùng	Lâm	20/9/1997	40.5	16	56.5	ĐẬU
350	35221020431	0350	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	27/10/2000	44.5	13	57.5	ĐẬU
351	35221020322	0351	Nguyễn Thị Kim	Liên	07/03/1990	65	16	81	ĐẬU
352	35221020617	0352	Phan Thị Kim	Liên	18/05/1990	12	7	19	
353	35221020377	0353	Trần Thị Kim	Liên	28/03/2000	56	20	76	ĐẬU
354	35221020471	0354	Hồ Thị Bích	Liều	09/12/1978	50	17	67	ĐẬU
355	86231480011	0355	Trần Thị Thúy	Liều	24/02/1997	33	13	46	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
356	35221025750	0356	Bùi Thị Mỹ	Linh	16/01/1997	31.5	10	41.5	
357	HCMVB120194028	0357	Dương Thị	Linh	20/01/2000	27.5	8	35.5	
358	35221020167	0358	Hồ Thị Mỹ	Linh	15/08/2000	44.5	12	56.5	ĐẬU
359	35221020787	0359	Huỳnh Thị Trúc	Linh	16/03/1996	21	8	29	
360	35221025894	0360	Lê Thị Duyên	Linh	04/08/2001	42	16	58	ĐẬU
361	86231480012	0361	Nguyễn Anh Trúc	Linh	03/04/2001	37	8	45	
362	HCMVB120204174	0362	Nguyễn Ché	Linh	21/9/1993	61	19	80	ĐẬU
363	33211020088	0363	Nguyễn Dương Nhật	Linh	16/01/1997	43.5	17	60.5	ĐẬU
364	87223020039	0364	Nguyễn Khánh	Linh	30/8/1997	45	13	58	ĐẬU
365	35221020057	0365	Nguyễn Mai	Linh	22/04/2000	51.5	15	66.5	ĐẬU
366	33211020264	0366	Nguyễn Ngọc	Linh	02/01/1993	59	16	75	ĐẬU
367	35221020770	0367	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	25/07/2000	49.5	16	65.5	ĐẬU
368	35221021210	0368	Nguyễn Phương Di	Linh	05/02/2000	42	11	53	ĐẬU
369	HCMTC20181004	0369	Nguyễn Thị Diễm	Linh	06/6/1991	49.5	15	64.5	ĐẬU
370	35221025829	0370	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	26/03/1995	38.5	12	50.5	ĐẬU
371	35211020705	0371	Nguyễn Thị Thúy	Linh	01/07/1995	49.5	14	63.5	ĐẬU
372	33201025398	0372	Nguyễn Thùy	Linh	12/10/1990	25.5	11	36.5	
373	35211020150	0373	Nguyễn Thùy	Linh	22/02/1999	51.5	10	61.5	ĐẬU
374	33201025376	0374	Nguyễn Trần Tuyết	Linh	16/01/1997	0	0	0	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
375	35211025324	0375	Tổng Hoài Phương	Linh	19/11/1998	44.5	14	58.5	ĐẠU
376	35221020119	0376	Tổng Mỹ	Linh	31/08/2000	37	15	52	ĐẠU
377	35221020572	0377	Trương Huyền	Linh	10/10/2000	43.5	11	54.5	ĐẠU
378	35211020154	0378	Vân Thị Ngọc	Linh	08/11/1999	48	12	60	ĐẠU
379	35221020334	0379	Hồ Thị Kim	Loan	06/04/1999	22.5	11	33.5	
380	35231022364	0380	La Thị Hồng	Loan	25/01/2001	33	8	41	
381	35211020083	0381	Ngô Thị	Loan	06/03/1999	33	8	41	
382	35221020378	0382	Nguyễn Thị Kiều	Loan	14/01/2000	50	20	70	ĐẠU
383	35221020569	0383	Trần Thị Kim	Loan	01/07/1993	68.5	16	84.5	ĐẠU
384	87224020022	0384	Trần Thị Kim	Loan	22/10/1999	45	11	56	ĐẠU
385	35221020470	0385	Bùi Quốc Thiện Thanh	Long	20/03/1998	0	0	0	
386	33211020164	0386	Võ Nhựt	Long	15/09/1997	44	12	56	ĐẠU
387	35221025517	0387	Lâm Tiến	Lộc	27/05/2001	49	17	66	ĐẠU
388	35221021369	0388	Đậu Thị	Lộc	15/05/2000	31	8	39	
389	33201025323	0389	Ngô Minh	Lộc	06/09/1994	59	20	79	ĐẠU
390	33211025199	0390	Nguyễn Phước	Lợi	17/08/1996	38.5	12	50.5	ĐẠU
391	35231020214	0391	Nguyễn Xuân	Lợi	27/07/2000	0	0	0	
392	35211020719	0392	Tô Phước	Lợi	19/06/1994	44.5	14	58.5	ĐẠU
393	HCMVB120212195	0393	Nguyễn Vũ	Luân	14/10/1988	0	0	0	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
394	33211020260	0394	Phạm An	Luân	03/05/1995	0	0	0	
395	35221020683	0395	Nguyễn Thị	Luyến	26/02/2001	63.5	16	79.5	ĐẠU
396	35211025105	0396	Đỗ Thị Huyền	Lương	20/09/1999	23	7	30	
397	87222020174	0397	Ngô Minh	Lượng	20/06/1999	11	9	20	
398	HCMCD20212104	0398	Trương Việt	Lượng	08/4/1994	26	8	34	
399	35221021091	0399	Lê Hồ Trúc	Ly	07/05/2001	41	9	50	ĐẠU
400	35211020199	0400	Nguyễn Khánh	Ly	13/09/2000	61	14	75	ĐẠU
401	35221021144	0401	Nguyễn Thị Trúc	Ly	09/10/1991	37	14	51	ĐẠU
402	35211025260	0402	Trần Thị Khánh	Ly	06/12/1996	40	10	50	ĐẠU
403	35221021272	0403	Vũ Hoàng Cẩm	Ly	17/10/2001	51.5	18	69.5	ĐẠU
404	35221020942	0404	Phạm Thị	Lý	17/12/2001	51.5	14	65.5	ĐẠU
405	33201025085	0405	Thái Thanh Thiên	Lý	21/05/1992	0	0	0	
406	35221021142	0406	Trần Thị	Lý	29/08/1998	35.5	2	37.5	
407	35221020924	0407	Nguyễn Thanh	Mai	13/02/2001	46.5	15	61.5	ĐẠU
408	35231020019	0408	Nguyễn Thị	Mai	24/02/1996	0	0	0	
409	35221020761	0409	Phạm Thị Tuyết	Mai	10/09/2000	28.5	9	37.5	
410	33211025410	0410	Trần Ngọc	Mai	13/08/1987	56	13	69	ĐẠU
411	35221020621	0411	Lê Đức	Mạnh	16/12/1989	59	14	73	ĐẠU
412	87224020001	0412	Hà Gia	Mẫn	19/12/1996	52.5	9	61.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
413	33221020203	0413	Lê Ngọc	Mẫn	10/10/1993	60	13	73	ĐẬU
414	35221020957	0414	Phan Thị Diễm	Mi	18/04/1999	40	10	50	ĐẬU
415	33221020524	0415	Bùi Thị Kiều	Minh	15/08/1988	44.5	6	50.5	ĐẬU
416	HCMVB120213161	0416	Cố Năng	Minh	05/09/1996	35.5	9	44.5	
417	35221020780	0417	Hoàng Nhật	Minh	22/12/2001	46	14	60	ĐẬU
418	35201025414	0418	Nguyễn Bảo	Minh	11/12/2000	0	0	0	
419	35221025830	0419	Nguyễn Hoàng	Minh	11/06/2000	47	13	60	ĐẬU
420	35221025197	0420	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	26/09/2001	59.5	19	78.5	ĐẬU
421	35221025023	0421	Nguyễn Hùng	Minh	05/03/1990	42.5	16	58.5	ĐẬU
422	35221025624	0422	Nguyễn Tiến	Minh	17/11/2001	50	17	67	ĐẬU
423	35221020964	0423	Nguyễn Trần Nhật	Minh	06/10/2001	48	16	64	ĐẬU
424	33211025163	0424	Nguyễn Văn	Minh	20/08/1989	58.5	19	77.5	ĐẬU
425	35221021325	0425	Thái Bá	Minh	25/12/1993	59.5	16	75.5	ĐẬU
426	33211020087	0426	Triệu Đức	Minh	23/01/1993	65.5	19	84.5	ĐẬU
427	HCMVB120202213	0427	Triệu Ngọc Bình	Minh	7/12/1999	60	18	78	ĐẬU
428	35221025388	0428	Ngân Vishindas	Mirpuri	10/09/2001	34	9	43	
429	HCMVB120204041	0429	Phùng Phú	Mùi	12/04/1995	54.5	18	72.5	ĐẬU
430	HCMCD20203041	0430	Đặng Thị Diễm	My	04/9/1998	27	13	40	
431	35221020974	0431	Huỳnh Thị Trúc	My	27/09/1997	58	15	73	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
432	35221021232	0432	Lê Huyền	My	23/10/2001	43	17	60	ĐẠU
433	35221021223	0433	Lê Thanh Thảo	My	12/12/2001	49	9	58	ĐẠU
434	33211020359	0434	Nguyễn Ngọc Kiều	My	21/01/1996	61.5	19	80.5	ĐẠU
435	33221025265	0435	Nguyễn Thị Diễm	My	03/02/1984	53	17	70	ĐẠU
436	35221021205	0436	Nguyễn Thị Diễm	My	19/10/2001	45.5	15	60.5	ĐẠU
437	35221020451	0437	Nguyễn Thị Hà	My	30/09/2001	50	14	64	ĐẠU
438	HCMVB120202014	0438	Phan Thị Diễm	My	30/10/2001	51.5	11	62.5	ĐẠU
439	35221020506	0439	Trần Ngọc Anh	My	02/10/1988	35	16	51	ĐẠU
440	35221020245	0440	Trần Nữ Trà	My	26/03/1993	36.5	14	50.5	ĐẠU
441	35221021083	0441	Trần Thị Tiểu	My	17/02/1997	41	12	53	ĐẠU
442	33201025324	0442	Trần Thị Trà	My	22/12/1987	0	0	0	
443	35221021266	0443	Võ Phạm Trà	My	22/05/2000	19	11	30	
444	35221020459	0444	Dương Thị Thu	Mỹ	01/06/1994	46	12	58	ĐẠU
445	35221021170	0445	Huỳnh Thị Ly	Na	02/02/1998	28	7	35	
446	33221020292	0446	Bùi Xuân	Nam	03/12/1989	54	10	64	ĐẠU
447	33211025247	0447	Đặng Hoài	Nam	27/03/1997	52.5	17	69.5	ĐẠU
448	33211020288	0448	Hạp Thị	Nam	27/03/1998	39.5	14	53.5	ĐẠU
449	33191020347	0449	Lê Hải	Nam	14/09/1993	43.5	17	60.5	ĐẠU
450	33191025028	0450	Mai Châu Hoàng	Nam	03/01/1995	0	0	0	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
451	35211020695	0451	Ngô Trần Phương	Nam	24/02/1993	21.5	7	28.5	
452	33191025252	0452	Nguyễn Hoàng	Nam	05/05/1995	0	0	0	
453	33211020106	0453	Nguyễn Trần Hoàng	Nam	26/10/1996	46	13	59	ĐẠU
454	33201020493	0454	Phan Thanh	Nam	04/03/1996	40	13	53	ĐẠU
455	35221020282	0455	Trần Kỳ	Nam	26/03/1999	36	14	50	ĐẠU
456	35221020562	0456	Đỗ Thị	Nga	10/09/2000	49	15	64	ĐẠU
457	33211025071	0457	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/04/1990	37.5	14	51.5	ĐẠU
458	35221021320	0458	Vũ Thị Liên	Nga	02/10/1998	44	12	56	ĐẠU
459	HCMVB120194059	0459	Đặng Kim	Ngân	08/11/1997	65.5	18	83.5	ĐẠU
460	33221020268	0460	Đặng Trần Kim	Ngân	19/09/1988	44	16	60	ĐẠU
461	35221025467	0461	Đỗ Thùy Kim	Ngân	04/10/2001	59.5	17	76.5	ĐẠU
462	35211570011	0462	Huỳnh Thị Kim	Ngân	13/07/1988	0	0	0	
463	35201020229	0463	Huỳnh Thị Mỹ	Ngân	12/03/1992	30.5	12	42.5	
464	88222020300	0464	Lê Thị Kim	Ngân	06/07/2001	62	17	79	ĐẠU
465	35221021336	0465	Nguyễn Bảo	Ngân	05/03/1999	31	11	42	
466	35221020684	0466	Nguyễn Kim	Ngân	30/01/1999	51	18	69	ĐẠU
467	35221020881	0467	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	02/06/2001	31	12	43	
468	35221020713	0468	Nguyễn Phạm Thùy	Ngân	17/01/2001	48.5	18	66.5	ĐẠU
469	35231020257	0469	Nguyễn Thị	Ngân	21/03/1992	40.5	15	55.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
470	35211025187	0470	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/02/2000	32	11	43	
471	HCMVB220182008	0471	Nguyễn Thị Phương	Ngân	31/3/1994	40.5	14	54.5	ĐẬU
472	35211020708	0472	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	04/05/1998	38.5	12	50.5	ĐẬU
473	35221020693	0473	Nguyễn Trần Thu	Ngân	22/09/2001	39.5	13	52.5	ĐẬU
474	35231022187	0474	Nguyễn Xuân Kim	Ngân	13/12/1997	58.5	18	76.5	ĐẬU
475	35221020891	0475	Phan Thị	Ngân	07/11/2000	39.5	14	53.5	ĐẬU
476	35221020419	0476	Trần Thúy	Ngân	16/08/1993	57	18	75	ĐẬU
477	35221020151	0477	Trần Hiếu	Ngân	20/12/2000	0	0	0	
478	35211025568	0478	Trần Thị Ái	Ngân	15/02/2000	55.5	14	69.5	ĐẬU
479	35221025248	0479	Trần Thị Kim	Ngân	13/01/2000	59.5	13	72.5	ĐẬU
480	35221025823	0480	Trần Thị Kim	Ngân	27/03/1999	28	9	37	
481	35211020512	0481	Trần Thị Thanh	Ngân	15/10/1997	15	6	21	
482	35221021037	0482	Trần Thị Thanh	Ngân	21/12/2000	27.5	11	38.5	
483	35211025312	0483	Dương Minh	Ngọc	18/08/2000	37	14	51	ĐẬU
484	35211025007	0484	Đinh Hiền Thảo	Ngọc	28/12/1998	27	10	37	
485	35221025713	0485	Đoàn Hồng	Ngọc	08/10/2001	34.5	8	42.5	
486	35221020785	0486	Lê Như Bích	Ngọc	22/06/2001	51	16	67	ĐẬU
487	35211025373	0487	Nguyễn Hồng	Ngọc	14/04/2000	28	14	42	
488	35221025438	0488	Nguyễn Kim	Ngọc	08/10/1987	33	7	40	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
489	35221025066	0489	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	05/01/1995	39	14	53	ĐẠU
490	35221020833	0490	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/10/1992	44.5	11	55.5	ĐẠU
491	35221025821	0491	Nguyễn Thị Như	Ngọc	28/07/2000	27.5	9	36.5	
492	35221025473	0492	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	28/10/2001	36	17	53	ĐẠU
493	87221020022	0493	Phạm Như	Ngọc	29/01/2000	52	17	69	ĐẠU
494	87222020050	0494	Phạm Thị Bích	Ngọc	15/6/1998	58.5	10	68.5	ĐẠU
495	35221020079	0495	Trần Bạch Như	Ngọc	26/10/2000	39	8	47	
496	35211020374	0496	Trần Hồng	Ngọc	24/11/1998	11.5	0	11.5	
497	35221021246	0497	Trần Thị Như	Ngọc	01/08/1991	45	17	62	ĐẠU
498	35221020804	0498	Võ Thị Như	Ngọc	10/08/1995	52	15	67	ĐẠU
499	85214020011	0499	Vũ Thị	Ngọc	02/09/1993	40.5	10	50.5	ĐẠU
500	35201025284	0500	Vũ Thị Yến	Ngọc	28/09/1993	40	15	55	ĐẠU
501	35221020579	0501	Châu Nguyễn Thị Hồng	Nguyên	22/10/2000	27.5	8	35.5	
502	87222020097	0502	Lê Hữu	Nguyên	22/08/1996	31.5	9	40.5	
503	HCMVB120202080	0503	Nguyễn Châu	Nguyên	22/04/1999	0	0	0	
504	HCMVB120211307	0504	Nguyễn Dương Ngọc	Nguyên	28/10/1998	44	11	55	ĐẠU
505	35221020931	0505	Nguyễn Thị Hương	Nguyên	08/07/1992	41	15	56	ĐẠU
506	HCMVB120213076	0506	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	19/03/1994	43	14	57	ĐẠU
507	35221020024	0507	Nguyễn Xuân	Nguyên	07/12/2000	46.5	11	57.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
508	35221020219	0508	Dương Thị	Nguyệt	18/12/1998	28	9	37	
509	35221025057	0509	Hà Thị	Nguyệt	12/10/2000	0	0	0	
510	35221020140	0510	Hà Thị Ánh	Nguyệt	20/07/1999	0	0	0	
511	33221020319	0511	Ngô Thị Băng	Nguyệt	05/11/1995	40.5	10	50.5	ĐẠU
512	35201025312	0512	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	15/10/1997	34.5	8	42.5	
513	35221020475	0513	Ninh Thị	Nguyệt	22/09/2000	36	18	54	ĐẠU
514	35211025381	0514	Phan Minh	Nguyệt	30/05/2000	33.5	10	43.5	
515	35201020138	0515	Trần Thị Cẩm	Nha	06/12/1996	41.5	11	52.5	ĐẠU
516	35211020400	0516	Hoàng Thị	Nhàn	17/12/1998	50.5	18	68.5	ĐẠU
517	86231480032	0517	Bùi Quốc	Nhã	08/11/1997	41	9	50	ĐẠU
518	35221025391	0518	Võ Thanh	Nhã	16/10/1996	27.5	12	39.5	
519	HCMVB120182114	0519	Nguyễn Thanh	Nhạn	20/5/1993	43.5	11	54.5	ĐẠU
520	33221020487	0520	Đỗ Thị Mỹ	Nhân	30/05/1999	50	17	67	ĐẠU
521	33211020021	0521	Nguyễn Ngọc	Nhân	26/09/1996	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
522	35211025268	0522	Nguyễn Tấn	Nhân	12/07/1991	38.5	5	43.5	
523	35221021341	0523	Trần Thị Ái	Nhân	21/07/2000	35.5	7	42.5	
524	35221020639	0524	Cao Quách Quyến	Nhi	06/12/1997	41	11	52	ĐẠU
525	35221021242	0525	Cao Thị Tuyết	Nhi	23/11/2000	15.5	5	20.5	
526	35211022005	0526	Châu Hồng	Nhi	22/06/1999	ĐCT	ĐCT	ĐCT	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
527	35221021187	0527	Đặng Yến	Nhi	31/10/1998	37	13	50	ĐẠU
528	35221025283	0528	Đỗ Ái	Nhi	14/03/1998	50.5	18	68.5	ĐẠU
529	33211025477	0529	Hoàng Tú	Nhi	15/07/1997	60	20	80	ĐẠU
530	87233020003	0530	Hồ Thị Tuyết	Nhi	24/04/2001	19	6	25	
531	35221025355	0531	Hồ Thị Yến	Nhi	03/12/2001	16.5	9	25.5	
532	35231020136	0532	Huỳnh Thiên	Nhi	02/11/2001	39	11	50	ĐẠU
533	35221020237	0533	Huỳnh Thị Yến	Nhi	20/06/1993	50	10	60	ĐẠU
534	35221020715	0534	Lê Hồng	Nhi	15/06/2001	53.5	18	71.5	ĐẠU
535	35221020424	0535	Lê Thị Bích	Nhi	04/04/1997	41	14	55	ĐẠU
536	35221021207	0536	Lê Thị Hoàng	Nhi	24/03/1998	38.5	16	54.5	ĐẠU
537	35221020281	0537	Lê Thị Yến	Nhi	30/07/1999	36.5	8	44.5	
538	HCMVB120192098	0538	Lê Thị Ý	Nhi	20/3/1996	41.5	16	57.5	ĐẠU
539	35221020741	0539	Nguyễn Lê Mẫn	Nhi	14/05/2000	39.5	11	50.5	ĐẠU
540	35221020682	0540	Nguyễn Thanh Kim	Nhi	17/04/2001	25.5	11	36.5	
541	35221020859	0541	Nguyễn Thị Lan	Nhi	16/02/2000	30.5	10	40.5	
542	35221020723	0542	Nguyễn Thụy Hoàng	Nhi	17/09/2001	37	13	50	ĐẠU
543	33221020398	0543	Nguyễn Vũ Thảo	Nhi	27/02/1998	43.5	8	51.5	ĐẠU
544	35221020597	0544	Phan Thị Mỹ	Nhi	29/04/2001	60	16	76	ĐẠU
545	35221025591	0545	Phạm Kim Ý	Nhi	20/01/1998	38.5	14	52.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
546	35221020458	0546	Phạm Nguyễn Phương	Nhi	05/09/1998	49	16	65	ĐẠU
547	35221020156	0547	Phùng Tuyết	Nhi	27/09/2000	48.5	14	62.5	ĐẠU
548	35221020888	0548	Trần Bình Thảo	Nhi	01/05/2000	26.5	12	38.5	
549	35221021284	0549	Trần Hằng	Nhi	14/10/1999	36	15	51	ĐẠU
550	33211020378	0550	Trần Thị Yến	Nhi	21/01/1995	52	14	66	ĐẠU
551	33201020119	0551	Võ Thế Anh	Nhi	24/10/1995	45	14	59	ĐẠU
552	35221020652	0552	Võ Thiên	Nhi	28/08/1996	32	12	44	
553	86221020081	0553	Võ Thị Huỳnh	Nhi	03/11/1994	0	0	0	
554	35221020404	0554	Đinh Thị Hồng	Nhung	22/08/1998	27	5	32	
555	35221020996	0555	Kiều Hồng	Nhung	17/02/1995	39.5	11	50.5	ĐẠU
556	35221020320	0556	Nguyễn Thị	Nhung	15/09/1989	54	12	66	ĐẠU
557	35221020472	0557	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	05/08/1991	60.5	19	79.5	ĐẠU
558	35221020356	0558	Ninh Thị	Nhung	10/09/1999	31.5	12	43.5	
559	HCMCD20204101	0559	Tổng Thị	Nhung	06/6/1992	41	10	51	ĐẠU
560	33211025471	0560	Trương Thị Thanh	Nhung	01/12/1990	49.5	18	67.5	ĐẠU
561	35221020222	0561	Dương Tâm	Như	19/04/2000	53	17	70	ĐẠU
562	88214020079	0562	Dương Thị Quỳnh	Như	01/5/1997	51.5	10	61.5	ĐẠU
563	35221020664	0563	Hồ Quỳnh	Như	10/08/2001	24.5	9	33.5	
564	33221020172	0564	Huỳnh	Như	16/05/1993	61.5	17	78.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
565	35221021148	0565	Huỳnh	Như	05/05/1998	41.5	10	51.5	ĐẠT
566	35211025308	0566	Kiều Thị Trúc	Như	18/01/1999	38.5	14	52.5	ĐẠT
567	35221021137	0567	Lê Thị Huỳnh	Như	28/08/2000	28	7	35	
568	35221020767	0568	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	15/05/2000	30.5	9	39.5	
569	35221020062	0569	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	23/04/2000	20.5	11	31.5	
570	35221020835	0570	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/05/1991	34.5	9	43.5	
571	35231020139	0571	Nguyễn Thị Yến	Như	22/07/2001	25.5	11	36.5	
572	35221020049	0572	Phạm Ngọc	Như	20/05/1999	37	14	51	ĐẠT
573	35221020865	0573	Phạm Thị Ái	Như	28/01/1999	29	5	34	
574	35201020456	0574	Phạm Thị Huỳnh	Như	02/11/1997	50	13	63	ĐẠT
575	35221021326	0575	Trần Lê Quỳnh	Như	15/08/1999	25	5	30	
576	87224020018	0576	Trần Thị Huỳnh	Như	14/7/2001	51	19	70	ĐẠT
577	HCMCD20211009	0577	Trần Thị Thảo	Như	16/8/1999	21	6	27	
578	HCMVB1220160030	0578	Vũ Huỳnh Uyên	Như	14/9/1998	53.5	16	69.5	ĐẠT
579	87224020068	0579	Lê Thị Kim	Nữ	24/02/1993	49.5	14	63.5	ĐẠT
580	86221020021	0580	Nguyễn Thị Việt	Nữ	25/5/1991	16.5	12	28.5	
581	HCMVB220212015	0581	Tăng Ngọc	Nữ	21/07/1989	31.5	7	38.5	
582	87224020012	0582	Trịnh Ái	Nữ	26/4/1993	60.5	7	67.5	ĐẠT
583	35221025196	0583	Nguyễn Thị Hằng	Ny	01/01/1998	54.5	12	66.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
584	33201025365	0584	Bùi Thị Kim	Oanh	29/07/1997	0	0	0	
585	35221020010	0585	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/04/2000	43.5	14	57.5	ĐẠU
586	35221020269	0586	Trương Phan Hoàng	Oanh	12/03/1998	27	13	40	
587	HCMVB120204327	0587	Bùi Thị Hồng	Oánh	20/08/2000	45	5	50	
588	HCMCD20212071	0588	Bùi Thuận	Phát	05/5/1999	0	0	0	
589	33201020454	0589	Dương Xuân Tiến	Phát	23/04/1996	0	0	0	
590	35221020673	0590	Đỗ Tấn	Phát	15/07/2001	26.5	14	40.5	
591	33211025282	0591	Trần Chấn	Phát	20/10/1995	53	18	71	ĐẠU
592	35221020739	0592	Nguyễn Thị Ngọc	Phận	31/03/1988	49	14	63	ĐẠU
593	35221025271	0593	Châu Ngọc	Phen	10/01/1999	43.5	17	60.5	ĐẠU
594	HCMVB220212150	0594	Bùi Tấn	Phê	02/09/1985	BM2	BM2	BM2	VTCP
595	33211029003	0595	Võ Trọng	Phi	06/02/1993	64	5	69	
596	35211020543	0596	Lâm Sơn	Phong	27/02/1990	35.5	15	50.5	ĐẠU
597	35221020430	0597	Nguyễn Thanh	Phong	03/12/1995	44	11	55	ĐẠU
598	HCMCD20211071	0598	Phạm Phú	Phong	04/02/1998	0	0	0	
599	35211025006	0599	Trần Ngọc	Phú	02/12/1999	41	12	53	ĐẠU
600	35211020037	0600	Liên	Phúc	01/03/1997	27	12	39	
601	35211020113	0601	Tô Thị	Phúc	23/02/1997	59.5	17	76.5	ĐẠU
602	35211020443	0602	Bùi Kim	Phụng	16/02/1998	20.5	10	30.5	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
603	33201025253	0603	Lý Diễm	Phụng	17/09/1996	46	14	60	ĐẠU
604	87222020040	0604	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	01/12/1994	31.5	9	40.5	
605	35221020586	0605	Thái Ngọc	Phụng	13/03/1993	38	12	50	ĐẠU
606	35231020049	0606	Trần Chu Long	Phụng	05/02/1992	55	16	71	ĐẠU
607	35221020089	0607	Hà Thị	Phượng	01/04/2000	38.5	12	50.5	ĐẠU
608	35211025023	0608	Đoàn Thị	Phương	11/03/1999	59.5	15	74.5	ĐẠU
609	HCMVB120203028	0609	Hồ Linh Trúc	Phương	12/07/1993	0	0	0	
610	35221020358	0610	Hồ Thị Ngọc	Phương	06/11/1998	43	15	58	ĐẠU
611	35211025595	0611	Lương Thái Thị	Phương	01/09/1995	35	15	50	ĐẠU
612	88214020033	0612	Lưu Nguyễn Hồng	Phương	21/10/2003	25.5	8	33.5	
613	33221020066	0613	Mai	Phương	11/11/1993	46.5	16	62.5	ĐẠU
614	33201025210	0614	Nguyễn Ngọc	Phương	28/05/1990	59.5	14	73.5	ĐẠU
615	35211020623	0615	Nguyễn Nguyên	Phương	20/10/2000	48.5	13	61.5	ĐẠU
616	35221020331	0616	Nguyễn Phạm Ánh	Phương	25/10/2000	47.5	17	64.5	ĐẠU
617	35221020802	0617	Nguyễn Thị	Phương	19/05/1993	35.5	16	51.5	ĐẠU
618	35221020111	0618	Nguyễn Thị Hà	Phương	26/06/1995	38	12	50	ĐẠU
619	35221020753	0619	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2001	48.5	16	64.5	ĐẠU
620	35221025284	0620	Nguyễn Trúc	Phương	19/07/2001	31.5	9	40.5	
621	35221020745	0621	Phạm Thị	Phương	25/04/2001	46.5	7	53.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
622	35221020118	0622	Trần Lê Thị	Phương	18/08/1999	29	7	36	
623	33201025411	0623	Trần Mai	Phương	08/02/1995	BM2	BM2	BM2	VTCP
624	86221020005	0624	Trần Thị Thanh	Phương	14/02/1990	40.5	11	51.5	ĐẠU
625	HCAVB220192061	0625	Trần Vũ Hoài	Phương	01/16/1980	57	BM2	57	VTCP
626	35221020776	0626	Võ Nguyễn Uyên	Phương	24/02/2001	39	11	50	ĐẠU
627	33211025511	0627	Vũ Thị Hoài	Phương	24/05/1995	56.5	18	74.5	ĐẠU
628	35221020855	0628	Trần Ngọc	Phước	15/12/2000	28.5	9	37.5	
629	35221020981	0629	Bùi Thị Như	Phượng	04/04/1993	56.5	15	71.5	ĐẠU
630	35221020548	0630	Lê Thị	Phượng	11/10/2000	33.5	9	42.5	
631	35221020447	0631	Nguyễn Thị	Phượng	20/04/1993	52.5	17	69.5	ĐẠU
632	35211020210	0632	Nguyễn Thị Bích	Phượng	05/11/1996	32.5	8	40.5	
633	35221020443	0633	Nguyễn Thị Bích	Phượng	16/06/1989	43	12	55	ĐẠU
634	35221020699	0634	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	22/09/1998	41	9	50	ĐẠU
635	35221020763	0635	Trương Thị Bích	Phượng	06/11/2001	61	9	70	ĐẠU
636	35221021217	0636	Nguyễn Hoàng	Quân	10/11/1990	53	17	70	ĐẠU
637	33181025144	0637	Phạm Trần Hoàng	Quân	10/12/1996	50.5	14	64.5	ĐẠU
638	33201025288	0638	Nguyễn Cảnh	Quế	01/04/1997	51.5	18	69.5	ĐẠU
639	35221020063	0639	Ngô Minh	Qui	03/08/2000	42.5	16	58.5	ĐẠU
640	35211025202	0640	Trần Ngọc	Quý	20/07/2000	44	15	59	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
641	HCMVB120203193	0641	Nguyễn Kiều Tố	Quyên	10/08/1998	57.5	16	73.5	ĐẠU
642	35221020732	0642	Nguyễn Thị	Quyên	19/03/2000	40	10	50	ĐẠU
643	35221020610	0643	Nguyễn Thị Tố	Quyên	01/01/2001	17.5	10	27.5	
644	35211020007	0644	Phạm Thị	Quyên	19/12/1999	39.5	13	52.5	ĐẠU
645	35211025535	0645	Thái Thị Kim	Quyên	15/08/2000	32	11	43	
646	35221021124	0646	Trần Mỹ	Quyên	12/09/1994	44	12	56	ĐẠU
647	35221021273	0647	Trần Ngọc	Quyên	10/08/1992	47.5	15	62.5	ĐẠU
648	HCMVB220194070	0648	Trần Thục	Quyên	04/12/1992	43.5	7	50.5	ĐẠU
649	35211025378	0649	Trương Kim	Quyên	02/05/1998	38.5	12	50.5	ĐẠU
650	35221020910	0650	Đặng Như	Quỳnh	20/05/1999	25.5	8	33.5	
651	86231480016	0651	Hồ Vũ Mai	Quỳnh	02/11/1997	36.5	14	50.5	ĐẠU
652	35221020998	0652	Lê Phương	Quỳnh	08/02/2000	43.5	9	52.5	ĐẠU
653	35211025584	0653	Lê Thị Như	Quỳnh	04/12/2000	30	11	41	
654	33221025106	0654	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	03/02/1977	55	18	73	ĐẠU
655	35221020240	0655	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	01/08/1996	68.5	19	87.5	ĐẠU
656	35211020482	0656	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	24/04/1998	42	9	51	ĐẠU
657	33211020409	0657	Nguyễn Vương Hạ	Quỳnh	07/05/1996	48	11	59	ĐẠU
658	35221020644	0658	Trần Thị Như	Quỳnh	07/12/2000	34.5	16	50.5	ĐẠU
659	HCMVB120204242	0659	Trịnh Phương	Quỳnh	09/01/1998	40	13	53	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
660	35211025152	0660	Nguyễn Hữu	Quý	15/03/1996	46.5	9	55.5	ĐẠU
661	33211020171	0661	Nguyễn Thị	Quý	03/09/1993	BM2	BM2	BM2	VTCP
662	GLVB120203091	0662	I	Ron	12/8/2002	BM2	BM2	BM2	VTCP
663	89222020071	0663	Cao Giang	Sang	23/11/1992	49	12	61	ĐẠU
664	33211025381	0664	Đỗ Hoàng	Sang	28/01/1999	29	12	41	
665	33211020360	0665	Lưu Minh	Sang	14/05/1996	47	15	62	ĐẠU
666	87221020029	0666	Trần Thị	Sang	07/02/1998	52	11	63	ĐẠU
667	35221021264	0667	Huỳnh Thị Hiếu	Sinh	02/03/1998	53.5	10	63.5	ĐẠU
668	35221020604	0668	Trần Thị Thúy	Sinh	13/08/1998	35	15	50	ĐẠU
669	35221020003	0669	Bùi Kim	Son	12/09/1998	36	11	47	
670	33211020413	0670	Đào Nguyễn Hồng	Son	18/08/1999	66	17	83	ĐẠU
671	35221025609	0671	Huỳnh Thế	Son	09/10/2001	48	14	62	ĐẠU
672	HCMVB120203117	0672	Ngô Thạch	Son	24/03/1986	29	4	33	
673	33201025286	0673	Nguyễn Thanh	Son	06/10/1992	24.5	12	36.5	
674	35221020755	0674	Bùi Thị Thu	Sương	17/12/1997	54.5	16	70.5	ĐẠU
675	HCMVB120213036	0675	Dương Thị Thu	Sương	12/6/1992	46.5	11	57.5	ĐẠU
676	35221025183	0676	Đinh Thị Tuyết	Sương	30/10/1991	56.5	16	72.5	ĐẠU
677	86221020966	0677	Phạm Thị Sương	Sương	24/12/1990	0	0	0	
678	35221020649	0678	Võ Thị Ánh	Sương	08/08/2000	38.5	12	50.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
679	HCMVB120213142	0679	Lê Trọng	Tài	30/08/2000	51	15	66	ĐẠU
680	87233020168	0680	Nguyễn Thành	Tài	14/01/2003	32	18	50	ĐẠU
681	87224020077	0681	Nguyễn Hồ Mai	Tâm	08/4/2001	53.5	9	62.5	ĐẠU
682	86221020129	0682	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/5/1993	0	0	0	
683	35221025302	0683	Bùi Duy	Tân	31/05/2001	38	15	53	ĐẠU
684	33181025338	0684	Lê Công	Tân	10/06/1986	38	12	50	ĐẠU
685	86231480033	0685	Lê Minh	Tân	29/11/1997	47	15	62	ĐẠU
686	33211020469	0686	Nguyễn Ngọc Minh	Tân	05/08/1998	49	13	62	ĐẠU
687	35221020989	0687	Mai Kinh	Tế	15/01/1997	34	9	43	
688	35221020292	0688	Đinh Thị Huệ	Thanh	08/07/1999	44.5	14	58.5	ĐẠU
689	35221021332	0689	Đỗ Thụy Phương	Thanh	11/09/1988	36	14	50	ĐẠU
690	35221020441	0690	Hắc Thị	Thanh	27/08/1993	42.5	12	54.5	ĐẠU
691	HCMVB120204396	0691	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	23/06/2000	38.5	12	50.5	ĐẠU
692	35221025376	0692	Nguyễn Thị Thu	Thanh	20/10/2000	63	18	81	ĐẠU
693	35221021347	0693	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	28/11/1998	44	18	62	ĐẠU
694	35221020494	0694	Nguyễn Thụy Nhật	Thanh	28/11/2000	0	0	0	
695	33201020354	0695	Trần Phan Nhật	Thanh	02/09/1990	34.5	8	42.5	
696	HCMTC20211004	0696	Võ Ngọc Phương	Thanh	04/02/1993	39	11	50	ĐẠU
697	CQ20190001	0697	Lê Công	Thành	08/6/1990	35.5	9	44.5	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
698	35221025244	0698	Nguyễn Dẫu	Thành	26/01/1999	39	11	50	ĐẠU
699	33201025485	0699	Nguyễn Hữu	Thành	20/01/1994	40	12	52	ĐẠU
700	87221020135	0700	Tô Trung	Thành	31/12/1990	28.5	9	37.5	
701	35221025628	0701	Vũ Thị Thu	Thành	02/06/1998	43.5	16	59.5	ĐẠU
702	33221020327	0702	Cao Thanh	Thảo	17/09/1989	65.5	19	84.5	ĐẠU
703	33221020069	0703	Cao Thị	Thảo	21/12/1999	59	17	76	ĐẠU
704	35221020008	0704	Châu Thị Thanh	Thảo	01/10/2000	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
705	35221020455	0705	Đặng Thị	Thảo	06/09/2000	58.5	14	72.5	ĐẠU
706	35231020218	0706	Điều Thị Thu	Thảo	23/09/1996	43.5	16	59.5	ĐẠU
707	33201020413	0707	Đỗ Thị	Thảo	19/09/1997	57	18	75	ĐẠU
708	35221020598	0708	Hà Thu	Thảo	04/04/2000	24	7	31	
709	35221020752	0709	Hoàng Thị Thanh	Thảo	03/02/2000	35.5	9	44.5	
710	35221021120	0710	Hồ Thị Kim	Thảo	29/09/2000	50.5	13	63.5	ĐẠU
711	35221020261	0711	Lê Thu	Thảo	17/02/1999	42.5	10	52.5	ĐẠU
712	35221020157	0712	Luyện Thị	Thảo	15/05/1996	42	11	53	ĐẠU
713	35221021062	0713	Mai Thị Thanh	Thảo	09/03/2001	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
714	35221020900	0714	Nguyễn Ngọc Miên	Thảo	22/07/1991	53	17	70	ĐẠU
715	35221020736	0715	Nguyễn Thanh	Thảo	27/12/2001	42	13	55	ĐẠU
716	VLVB220211034	0716	Nguyễn Thị	Thảo	04/5/1979	22.5	6	28.5	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
717	35221020517	0717	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/07/1998	46.5	8	54.5	ĐẬU
718	33211025428	0718	Nguyễn Trần Linh	Thảo	04/02/1998	56	17	73	ĐẬU
719	87222020072	0719	Quản Thị Thanh	Thảo	10/11/1990	18.5	6	24.5	
720	HCMCD20212001	0720	Trần Thị	Thảo	06/8/2000	59	9	68	ĐẬU
721	35221020727	0721	Võ Thị Lan	Thảo	18/01/2000	25.5	13	38.5	
722	33201025116	0722	Võ Thị Mai	Thảo	17/07/1994	45.5	16	61.5	ĐẬU
723	35221020783	0723	Võ Thị Ngọc	Thảo	02/09/2001	48.5	6	54.5	ĐẬU
724	35211025280	0724	Dương Thị Minh	Thái	29/11/1999	22	8	30	
725	33201025131	0725	Đặng Minh	Thái	20/08/1992	63.5	19	82.5	ĐẬU
726	33211020336	0726	Đỗ Đình	Thái	07/03/1993	38	12	50	ĐẬU
727	35221021364	0727	Hoàng Ngọc	Thái	25/01/1995	53.5	16	69.5	ĐẬU
728	33211020098	0728	Nguyễn Văn	Thái	06/06/1993	43.5	7	50.5	ĐẬU
729	35221025824	0729	Nguyễn Thị	Thắm	09/05/2000	27	13	40	
730	35221020388	0730	Dương Thị	Thắm	06/05/2000	40	12	52	ĐẬU
731	33221020186	0731	Đinh Thị Hồng	Thắm	05/04/1999	52	15	67	ĐẬU
732	35221021100	0732	Huỳnh Thị Thanh	Thắm	05/01/1997	39	11	50	ĐẬU
733	35221020050	0733	Lý Thị Hồng	Thắm	14/04/1998	18	8	26	
734	35221021041	0734	Phạm Hồng	Thắm	06/10/2001	53	10	63	ĐẬU
735	89223450027	0735	Trà Văn Thị	Thắm	22/02/1991	36	14	50	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
736	33201025123	0736	Đặng Đôn	Thắng	02/09/1989	50	14	64	ĐẬU
737	HCMVB120203134	0737	Nguyễn Quốc	Thắng	22/11/1993	BM2	BM2	BM2	VTCP
738	HCMVB120211085	0738	Nguyễn Thành	Thắng	06/01/1989	29.5	10	39.5	
739	33211020488	0739	Trần Quang	Thắng	24/08/1999	29.5	5	34.5	
740	86231980027	0740	Bùi Thị Uyên	Thi	20/11/2001	19	9	28	
741	35201020225	0741	Đặng Ngọc	Thi	08/09/1999	26.5	10	36.5	
742	35221020716	0742	Đặng Thị Cẩm	Thi	17/01/2000	36.5	7	43.5	
743	35221020577	0743	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	04/04/1999	59	19	78	ĐẬU
744	35221020797	0744	Nguyễn Phương Uyên	Thi	01/06/1995	48.5	14	62.5	ĐẬU
745	35221020428	0745	Nguyễn Thị Nhật	Thi	16/12/1994	57	13	70	ĐẬU
746	35221025037	0746	Phạm Diệp	Thi	17/06/1995	19.5	8	27.5	
747	35201025363	0747	Phạm Đoan	Thi	12/06/1999	43.5	10	53.5	ĐẬU
748	HCMVB120212178	0748	Võ Thái Thi	Thi	12/09/1998	39	15	54	ĐẬU
749	86221020030	0749	Huỳnh Thị Ngọc	Thiên	15/7/1997	47	16	63	ĐẬU
750	35221020993	0750	Lê Vũ	Thiện	06/11/1992	55.5	18	73.5	ĐẬU
751	HCMVB220204060	0751	Nguyễn Hoàng	Thiện	27/11/1994	29.5	8	37.5	
752	HCMVB120181137	0752	Quách Gia	Thiệu	02/5/1996	BM2	BM2	BM2	VTCP
753	35221020946	0753	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Thích	23/04/1998	20	9	29	
754	35211020312	0754	Đặng Thị	Thoa	26/03/1999	38.5	15	53.5	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
755	35201025317	0755	Mai Bùi Kim	Thoa	02/05/1999	45.5	6	51.5	ĐẠU
756	35221020109	0756	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/08/1992	42.5	8	50.5	ĐẠU
757	35221020536	0757	Phạm Thị Kim	Thoa	01/08/1999	56	8	64	ĐẠU
758	35221020599	0758	Trần Kim	Thoa	26/02/2000	39	11	50	ĐẠU
759	35221020601	0759	Nguyễn Minh	Thoại	25/03/1993	0	0	0	
760	35221025366	0760	Trịnh Trần Minh	Thông	02/03/2001	47	10	57	ĐẠU
761	HCMVB120194116	0761	Võ Trí	Thông	28/06/1999	35.5	10	45.5	
762	33211025300	0762	Trần Minh	Thơ	08/12/1995	15	14	29	
763	33221020018	0763	Lê Thị	Thu	26/09/1992	54	17	71	ĐẠU
764	35221020106	0764	Nguyễn Lê Nhị	Thu	04/02/1998	63.5	15	78.5	ĐẠU
765	HCMCD20211082	0765	Nguyễn Ngọc Kiều	Thu	15/8/1994	36.5	15	51.5	ĐẠU
766	35221020685	0766	Nguyễn Thị Hoài	Thu	23/09/2000	5.65	BM2	56.5	VTCP
767	35211025025	0767	Ngụy Thị	Thu	28/08/2000	38.5	13	51.5	ĐẠU
768	87224020030	0768	Lương Thị Như	Thuần	01/01/2001	23.5	9	32.5	
769	35221025868	0769	Đình Quang	Thuận	23/04/2001	46.5	14	60.5	ĐẠU
770	87222020274	0770	Hồ Thị Thanh	Thuận	05/10/1986	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
771	35221020425	0771	Nguyễn Lương Vĩnh	Thuận	17/02/2001	50	10	60	ĐẠU
772	33201025225	0772	Cao Thanh	Thùy	30/04/1995	0	0	0	
773	35221025678	0773	Đỗ Thị Uyên	Thùy	18/12/2001	17	7	24	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
774	35211022009	0774	Nguyễn Thanh	Thùy	26/06/1994	39	13	52	ĐẠU
775	35211025594	0775	Nguyễn Thị Kim	Thùy	10/10/2000	27.5	10	37.5	
776	87224020214	0776	Nguyễn Thị Kim	Thùy	10/5/1999	30	8	38	
777	35221021366	0777	Lê Thị Phương	Thủy	06/07/1997	22.5	13	35.5	
778	35221020152	0778	Lê Thị Thanh	Thủy	01/08/1989	BM2	BM2	BM2	VTCP
779	35211020748	0779	Lê Thị Thu	Thủy	26/11/1998	34	11	45	
780	35221020386	0780	Nông Thu	Thủy	25/08/1989	55.5	17	72.5	ĐẠU
781	35231020252	0781	Trần Kim	Thủy	19/11/1999	45.5	12	57.5	ĐẠU
782	35221021082	0782	Trần Nguyễn Thu	Thủy	23/09/2000	38	14	52	ĐẠU
783	35221025203	0783	Trần Nguyễn Xuân	Thủy	20/11/2001	59	17	76	ĐẠU
784	33211020498	0784	Trần Phương Ngọc	Thủy	12/01/1996	64.5	19	83.5	ĐẠU
785	35221020692	0785	Trần Song	Thủy	06/10/1993	58	16	74	ĐẠU
786	89222020013	0786	Trần Thị Thanh	Thủy	23/12/1989	35.5	15	50.5	ĐẠU
787	35221020104	0787	Trương Thị Thu	Thủy	08/09/2000	53.5	17	70.5	ĐẠU
788	33211025256	0788	Bùi Thị Thanh	Thúy	24/09/1984	42	15	57	ĐẠU
789	33201020435	0789	Lê Thanh	Thúy	22/05/1994	40	16	56	ĐẠU
790	35211020035	0790	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/1999	51.5	16	67.5	ĐẠU
791	35211025473	0791	Nguyễn Thị Thu	Thúy	19/05/1998	40	10	50	ĐẠU
792	33221020306	0792	Trần Thị	Thúy	07/04/1994	51.5	19	70.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
793	35221025599	0793	Võ Thị Hồng	Thúy	10/08/1990	43.5	13	56.5	ĐẠU
794	VTVB120194051	0794	Nguyễn Ngọc	Thụy	24/3/1987	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
795	35221021113	0795	Bùi Anh	Thư	06/04/2000	16	11	27	
796	33201025082	0796	Bùi Thị Anh	Thư	05/08/1994	57	16	73	ĐẠU
797	88214020082	0797	Đinh Trần Anh	Thư	19/09/2003	59.5	15	74.5	ĐẠU
798	88214020090	0798	Hà Minh	Thư	21/02/2003	40	11	51	ĐẠU
799	35221020520	0799	Hoàng Minh	Thư	24/05/2000	35.5	15	50.5	ĐẠU
800	35221020826	0800	Lê Đỗ Thanh	Thư	24/05/1999	33.5	9	42.5	
801	33201025393	0801	Nguyễn Anh	Thư	17/02/1995	49.5	16	65.5	ĐẠU
802	35211025538	0802	Nguyễn Anh	Thư	16/11/1999	38.5	13	51.5	ĐẠU
803	35221021158	0803	Nguyễn Minh	Thư	24/02/2001	28	9	37	
804	35211020658	0804	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/05/2000	51.5	15	66.5	ĐẠU
805	87232980045	0805	Phan Thị	Thư	06/09/1994	42	17	59	ĐẠU
806	35221021285	0806	Phạm Huỳnh Anh	Thư	03/10/1994	28	9	37	
807	35211570010	0807	Trần Quỳnh	Thư	19/12/2000	37.5	15	52.5	ĐẠU
808	35211020583	0808	Trần Thị Anh	Thư	04/01/1996	35	15	50	ĐẠU
809	89223450031	0809	Trần Thị Anh	Thư	30/08/1986	51	8	59	ĐẠU
810	35221025392	0810	Trương Thị Minh	Thư	22/01/2000	49.5	18	67.5	ĐẠU
811	88223020067	0811	Vương Thị Anh	Thư	09/11/2000	27.5	8	35.5	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
812	33201025431	0812	Kiều Lê Hoài	Thương	21/01/1996	41	9	50	ĐẠU
813	35221021220	0813	Lâm Hoài Thương	Thương	10/08/1999	51.5	18	69.5	ĐẠU
814	HCMVB120211016	0814	Lê Thị Huyền	Thương	22/11/1991	59	11	70	ĐẠU
815	35221020674	0815	Phạm Thị Hoài	Thương	17/01/2001	38	12	50	ĐẠU
816	35231020407	0816	Trần Thị Hoài	Thương	12/11/1998	24	11	35	
817	33211020259	0817	Nguyễn Thị	Thường	05/10/1996	46.5	17	63.5	ĐẠU
818	HCMTC20192022	0818	Từ Phi Từ	Thường	20/02/1996	55.5	5	60.5	
819	87222020077	0819	Lê Ngọc Quyên	Thy	15/06/2000	54.5	14	68.5	ĐẠU
820	35221020539	0820	Đỗ Thị Thủy	Tiên	04/07/2000	14.5	0	14.5	
821	87223020008	0821	Hà Thị Trúc	Tiên	31/3/1997	40	10	50	ĐẠU
822	35211025475	0822	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	12/02/2000	52.5	18	70.5	ĐẠU
823	33211020242	0823	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/11/1997	47.5	18	65.5	ĐẠU
824	35221020700	0824	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	02/08/2001	50	13	63	ĐẠU
825	33201025112	0825	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/04/1993	27.5	10	37.5	
826	33221020196	0826	Nguyễn Thủy	Tiên	30/10/1998	60.5	10	70.5	ĐẠU
827	35221020892	0827	Trần Thị Cẩm	Tiên	02/10/2001	45.5	16	61.5	ĐẠU
828	35221020026	0828	Trần Thị Hạnh	Tiên	18/04/1993	40	14	54	ĐẠU
829	35221021222	0829	Trịnh Thị	Tiên	25/01/2001	20.5	10	30.5	
830	35211025112	0830	Ngô Đức	Tiến	10/08/1999	55	18	73	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
831	88222020025	0831	Nguyễn Văn	Tiến	06/01/1989	24.5	10	34.5	
832	HCMVB120213199	0832	Phạm Văn Quyết	Tiến	12/01/1993	50.5	15	65.5	ĐẬU
833	33211025374	0833	Trần Thanh	Tiến	15/09/1999	49	14	63	ĐẬU
834	87222020103	0834	Từ Anh	Tiến	18/12/1996	0	0	0	
835	35221021146	0835	Võ Minh	Tiến	11/06/1999	40.5	6	46.5	
836	86231480017	0836	Nguyễn Ngọc	Tích	15/05/1993	33	10	43	
837	35221021042	0837	Nguyễn Thị Kim	Tín	29/04/2001	22	8	30	
838	35211025354	0838	Nguyễn Trung	Tín	07/12/2000	14	11	25	
839	35221020750	0839	Trương Trung	Tính	18/07/2000	0	0	0	
840	86231480034	0840	Thái Thị Xuân	Tới	20/06/1999	35	15	50	ĐẬU
841	87222020044	0841	Bùi Thị Hà	Trang	02/03/1993	28	12	40	
842	35221020662	0842	Chu Thị Huyền	Trang	05/03/2001	48.5	17	65.5	ĐẬU
843	88221020268	0843	Đặng Phan Minh	Trang	21/04/1998	21.5	10	31.5	
844	35221020636	0844	Đặng Thị Mai	Trang	20/07/2000	40.5	14	54.5	ĐẬU
845	35211020415	0845	Đoàn Thị Hương	Trang	14/10/1990	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
846	33211025090	0846	Hà Thị Mỹ	Trang	02/08/1992	45.5	13	58.5	ĐẬU
847	35221020376	0847	Hà Thùy	Trang	20/01/2000	54.5	16	70.5	ĐẬU
848	35221025680	0848	Hoàng Thị Thùy	Trang	21/07/2001	20.5	4	24.5	
849	35221020654	0849	Hứa Duy Diễm	Trang	29/10/1991	28	17	45	

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
850	33211020412	0850	Lã Hoàng Minh	Trang	10/03/1999	56	17	73	ĐẠT
851	35221020771	0851	Lê Thị Huyền	Trang	11/09/2000	29	8	37	
852	35221021294	0852	Lê Thị Mỹ	Trang	30/12/1998	39	15	54	ĐẠT
853	35221021133	0853	Lê Thị Thu	Trang	20/09/1996	36.5	15	51.5	ĐẠT
854	33221025034	0854	Lương Bạch	Trang	22/11/1988	45	15	60	ĐẠT
855	87222020054	0855	Nguyễn Phương	Trang	21/07/1987	0	0	0	
856	33211025169	0856	Nguyễn Thế	Trang	11/05/1986	34	16	50	ĐẠT
857	86231480021	0857	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/08/1995	34	8	42	
858	HCMCD20212089	0858	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/7/1994	24	8	32	
859	35221020521	0859	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/10/1999	47.5	13	60.5	ĐẠT
860	35221025755	0860	Nguyễn Thùy	Trang	03/09/1998	38	13	51	ĐẠT
861	35221021259	0861	Phạm Hoàng Minh	Trang	30/03/1993	13.5	6	19.5	
862	35221020129	0862	Phạm Huyền	Trang	31/05/2000	43.5	16	59.5	ĐẠT
863	33211020030	0863	Phạm Thị Thanh	Trang	05/11/1994	55	17	72	ĐẠT
864	33211020386	0864	Tôn Thị Huyền	Trang	28/02/1992	63.5	17	80.5	ĐẠT
865	87224020033	0865	Võ Thị Thùy	Trang	16/3/2001	62.5	9	71.5	ĐẠT
866	33191020114	0866	Nguyễn Thị	Trà	02/02/1992	30.5	13	43.5	
867	33211020019	0867	Nguyễn Phạm Quang	Trãi	30/01/1998	55.5	11	66.5	ĐẠT
868	35221021002	0868	Đặng Bảo	Trâm	02/09/1997	50	15	65	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
869	35221020592	0869	Đặng Thị Ngọc	Trâm	05/11/2000	37	8	45	
870	35221021138	0870	Huỳnh Lê Ngọc	Trâm	25/10/2000	47.5	15	62.5	ĐẬU
871	35221020704	0871	Lê Thị Bích	Trâm	08/11/1999	52	15	67	ĐẬU
872	35211025321	0872	Ngô Thị Bích	Trâm	20/03/1995	34	11	45	
873	33211020196	0873	Nguyễn Anh	Trâm	13/11/1997	62	20	82	ĐẬU
874	86231480035	0874	Nguyễn Hồ Quế	Trâm	14/08/2000	33.5	11	44.5	
875	35221020054	0875	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	12/08/1998	25	10	35	
876	35221021216	0876	Nguyễn Mai Ngọc	Trâm	20/10/1999	35.5	5	40.5	
877	33211025551	0877	Nguyễn Thị Mai	Trâm	26/01/1989	57	BM2	57	VTCP
878	35201020262	0878	Nguyễn Thị Mai	Trâm	07/11/1995	0	0	0	
879	35221020238	0879	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/08/1999	41.5	15	56.5	ĐẬU
880	35221021076	0880	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/10/1994	33.5	8	41.5	
881	35221020822	0881	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	25/03/2001	25	8	33	
882	35221020133	0882	Phan Thị Trinh	Trâm	22/10/2000	28.5	13	41.5	
883	35231020250	0883	Phạm Hoàng Bích	Trâm	06/01/2000	34.5	12	46.5	
884	HCMVB120212128	0884	Trần Thị Bích	Trâm	23/10/2000	0	0	0	
885	35221020969	0885	Văn Thị Ngọc	Trâm	16/06/2001	39.5	11	50.5	ĐẬU
886	35221020707	0886	Võ Thị Ngọc	Trâm	10/10/1993	33	9	42	
887	HCMVB120204010	0887	Đặng Phôi	Trâm	01/04/1985	53.5	15	68.5	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
888	35221021126	0888	Đặng Quế	Trân	10/02/2000	52.5	15	67.5	ĐẬU
889	35221025213	0889	Lê Thị Bích	Trân	12/04/2001	41	11	52	ĐẬU
890	35211020017	0890	Nguyễn Ngọc	Trân	01/08/1995	52	11	63	ĐẬU
891	35221020923	0891	Phạm Ngọc Hồng	Trân	04/03/2000	46.5	17	63.5	ĐẬU
892	35221020576	0892	Phạm Trần Quế	Trân	05/07/2000	53.5	17	70.5	ĐẬU
893	33211025217	0893	Trần Quốc	Trân	30/03/1995	0	0	0	
894	87232020001	0894	Võ Hương	Trầm	02/10/1999	53	19	72	ĐẬU
895	33221020431	0895	Võ Lâm	Tri	12/10/1991	46.5	16	62.5	ĐẬU
896	HCMVB120194070	0896	Lâm Phước Đông	Triều	09/08/1989	48	15	63	ĐẬU
897	35201025405	0897	Nguyễn Thị Thủy	Triều	04/03/1999	34.5	9	43.5	
898	85214020017	0898	Trần Minh	Triết	08/10/1996	27.5	14	41.5	
899	35221020170	0899	Lê Cao	Triệt	16/04/2000	46.5	13	59.5	ĐẬU
900	HCMVB120213045	0900	Huỳnh Nguyễn Thu	Trinh	15/09/1995	25	11	36	
901	35221021298	0901	Huỳnh Thị Phương	Trinh	17/11/2001	46	16	62	ĐẬU
902	88222020024	0902	Mang Thị Ngọc	Trinh	19/01/2000	54.5	8	62.5	ĐẬU
903	33201025341	0903	Nguyễn Đình	Trinh	11/10/1994	0	0	0	
904	35221020714	0904	Nguyễn Lâm Kiều	Trinh	26/11/2000	25.5	8	33.5	
905	35201025115	0905	Nguyễn Ngọc	Trinh	13/05/1998	37.5	17	54.5	ĐẬU
906	35221020800	0906	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	29/07/2000	42	13	55	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
907	33221020091	0908	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	21/02/1996	41.5	9	50.5	ĐẠU
908	HCMVB120204085	0909	Nguyễn Thị Phương	Trinh	09/03/2000	46.5	19	65.5	ĐẠU
909	35211020477	0910	Nguyễn Thị Việt	Trinh	29/04/1998	45.5	11	56.5	ĐẠU
910	33231020102	0911	Nguyễn Thúy Kiều	Trinh	15/05/1994	40.5	12	52.5	ĐẠU
911	35211025426	0912	Phan Thị Mai	Trinh	07/12/1999	30.5	6	36.5	
912	35221020749	0913	Trần Thị	Trinh	23/06/1999	40	15	55	ĐẠU
913	87222020005	0914	Trần Thị Diễm	Trinh	27/09/1993	31.5	14	45.5	
914	35211025353	0915	Võ Thị Tố	Trinh	15/01/2000	59	15	74	ĐẠU
915	35221025147	0916	Võ Thị Trinh	Trinh	14/08/2001	41.5	9	50.5	ĐẠU
916	35221020149	0917	Huỳnh Quốc	Trí	06/03/2000	0	0	0	
917	35221020561	0918	Lê Thiện	Trung	01/10/2001	47.5	16	63.5	ĐẠU
918	35211020626	0919	Nguyễn Tấn	Trung	25/11/1998	29.5	6	35.5	
919	89223450036	0920	Trần Văn	Trung	02/02/1984	58	19	77	ĐẠU
920	35221020108	0921	Trần Thị Xuân	Truyền	08/03/2000	42	14	56	ĐẠU
921	33221020347	0922	Đinh Thị Kim	Trúc	09/04/1998	56	15	71	ĐẠU
922	HCMVB120212170	0923	Nguyễn Thị Thu	Trúc	10/10/1986	55.5	18	73.5	ĐẠU
923	HCMVB120203075	0924	Nguyễn Thị Xuân	Trúc	01/02/1992	40	10	50	ĐẠU
924	35211025313	0925	Phan Thị Thanh	Trúc	12/03/1994	53.5	18	71.5	ĐẠU
925	HCMVB120212141	0926	Trà Ngọc Thanh	Trúc	06/10/1993	56.5	14	70.5	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
926	HCMVB220204164	0927	Vũ Văn	Trưởng	31/10/1984	31	4	35	
927	HCMVB120202217	0928	Nguyễn Thanh	Tuân	12/6/2000	0	0	0	
928	33211025221	0929	Phạm	Tuân	16/10/1995	55.5	19	74.5	ĐẬU
929	33201020418	0930	Dương Anh	Tuấn	07/02/1997	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
930	33211025182	0931	Lê Anh	Tuấn	07/01/1989	56.5	15	71.5	ĐẬU
931	33211020041	0932	Nguyễn Dương	Tuấn	10/08/1998	52	17	69	ĐẬU
932	35201020393	0933	Trương Nguyễn Hoàng	Tuấn	09/03/1996	0	0	0	
933	35221021184	0934	Lê Ngọc	Tuyền	20/04/1997	38.5	12	50.5	ĐẬU
934	87232020060	0935	Lê Thanh	Tuyền	07/07/1991	0	0	0	
935	HCMCD20211068	0936	Lê Thị	Tuyền	20/10/1999	32	8	40	
936	35201025329	0937	Mai Vũ Bích	Tuyền	07/02/1988	40.5	11	51.5	ĐẬU
937	35221020067	0938	Nguyễn Thanh	Tuyền	26/05/1997	44.5	6	50.5	ĐẬU
938	87223020026	0939	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	26/10/1994	23	10	33	
939	35221020437	0940	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	22/09/2000	44.5	18	62.5	ĐẬU
940	35211025245	0941	Phan Thị Thanh	Tuyền	27/10/2000	21	13	34	
941	35201020566	0942	Đặng Thanh	Tùng	07/06/1993	41	16	57	ĐẬU
942	35221020392	0943	Hồ Đức	Tùng	03/03/1994	56.5	18	74.5	ĐẬU
943	87221020031	0944	Đặng Thị Cẩm	Tú	14/09/2000	43	20	63	ĐẬU
944	87232020140	0945	Hồ Anh	Tú	30/10/1993	47	17	64	ĐẬU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
945	35221020663	0946	Lê Thị Mỹ	Tú	02/05/2000	52.5	8	60.5	ĐẠT
946	35211025333	0947	Nguyễn Thị Thanh	Tú	02/02/2000	26.5	11	37.5	
947	HCMVB120213203	0948	Phan Anh	Tú	07/03/1995	22	6	28	
948	35221025096	0949	Trương Cẩm	Tú	23/02/2000	50.5	17	67.5	ĐẠT
949	35221025209	0950	Nguyễn Gia Cát	Tường	12/11/2001	40	13	53	ĐẠT
950	35211020485	0951	Nguyễn Văn	Từ	31/12/1997	29.5	14	43.5	
951	35221020198	0952	Bùi Hoàng Diễm	Uyên	16/10/1992	51.5	14	65.5	ĐẠT
952	35221025568	0953	Đinh Thị Thu	Uyên	11/11/2001	38.5	13	51.5	ĐẠT
953	87221020039	0954	Đoàn Thị Phương	Uyên	21/07/1992	54	14	68	ĐẠT
954	87222020128	0955	Hồ Thị Mỹ	Uyên	14/11/2000	43.5	16	59.5	ĐẠT
955	35221021084	0956	Huỳnh Nhã	Uyên	09/12/2001	53.5	19	72.5	ĐẠT
956	35211020737	0957	Lê Ngọc Thảo	Uyên	22/11/1998	31	15	46	
957	33211025375	0958	Lê Thị Mỹ	Uyên	19/10/1999	46	17	63	ĐẠT
958	35221020641	0959	Lê Thị Thu	Uyên	12/01/2001	0	0	0	
959	35221020251	0960	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	30/12/1997	47	9	56	ĐẠT
960	35221020091	0961	Nguyễn Phan Diệu	Uyên	08/11/1998	45	10	55	ĐẠT
961	35221020777	0962	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	17/02/1996	51	15	66	ĐẠT
962	87223020171	0963	Nguyễn Thị Phương	Uyên	24/10/2000	41.5	9	50.5	ĐẠT
963	35211025180	0964	Nguyễn Thị Thu	Uyên	31/12/1999	37.5	13	50.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
964	35221025886	0965	Phan Nữ Ngọc	Uyên	14/08/1984	50	18	68	ĐẠU
965	35221020406	0966	Trần Ngọc Phương	Uyên	25/11/1999	48	11	59	ĐẠU
966	35211020502	0967	Trương Thị Hoàng	Uyên	17/11/1994	20	7	27	
967	33211020335	0968	Nguyễn Hoàng Khánh	Văn	19/02/1992	0	0	0	
968	35221021026	0969	Dương Thị	Vân	26/01/2001	41.5	9	50.5	ĐẠU
969	35221020696	0970	Đinh Thị Tuyết	Vân	13/07/1996	30	9	39	
970	35211025599	0971	Hà Thị Cẩm	Vân	15/10/1993	0	0	0	
971	35201020203	0972	Hoàng Khánh	Vân	13/03/1998	37.5	13	50.5	ĐẠU
972	35211020606	0973	Hồng Thị Thanh	Vân	28/03/1999	32.5	13	45.5	
973	35221021086	0974	Trần Thị Cẩm	Vân	25/03/1999	48.5	13	61.5	ĐẠU
974	35221020466	0975	Nguyễn Thị Thúy	Vi	10/10/2000	48.5	16	64.5	ĐẠU
975	35211020404	0976	Tổng Tường	Vi	24/02/1998	44	10	54	ĐẠU
976	35221020364	0977	Nguyễn Thị Mỹ	Viên	22/10/1999	46	13	59	ĐẠU
977	35221021188	0978	Lương Thị Mỹ	Viên	18/06/1992	51.5	14	65.5	ĐẠU
978	35221021109	0979	Lê Hoàng	Vinh	22/11/1998	42.5	13	55.5	ĐẠU
979	HCMVB120194072	0980	Lê Xuân Hiền	Vinh	11/09/1992	36	14	50	ĐẠU
980	33211020476	0981	Phạm Thế	Vinh	23/09/1994	50	18	68	ĐẠU
981	33211025358	0982	Phạm Xuân	Vinh	18/03/1986	56.5	14	70.5	ĐẠU
982	33201020233	0983	Nguyễn Văn	Vui	01/01/1992	61	13	74	ĐẠU

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
983	86221020037	0984	Nguyễn Hoàng	Vũ	29/10/1994	60	12	72	ĐẠT
984	HCMVB120204258	0985	Nguyễn Hoàng Phi	Vũ	22/09/1992	20	6	26	
985	33211020146	0986	Trần Bảo Anh	Vũ	26/09/1996	62.5	20	82.5	ĐẠT
986	35221020301	0987	Võ Tuấn	Vũ	09/10/1991	42.5	10	52.5	ĐẠT
987	35201020521	0988	Đào Quốc	Vương	15/12/1998	57	17	74	ĐẠT
988	HCMCD20211165	0989	Đỗ Viết	Vương	26/6/1995	49	18	67	ĐẠT
989	35211025107	0990	Bùi Thị Hà	Vy	18/01/1998	31	13	44	
990	35221020072	0991	Huỳnh Minh Thúy	Vy	29/07/2000	44.5	13	57.5	ĐẠT
991	33221020529	0992	Lê Nguyễn Thảo	Vy	16/05/1993	66	19	85	ĐẠT
992	35221020886	0993	Lê Yên	Vy	17/03/2001	39	19	58	ĐẠT
993	33221025026	0994	Ngô Tường	Vy	13/04/1999	45	13	58	ĐẠT
994	35221020145	0995	Nguyễn Trần Tường	Vy	17/05/1999	47	10	57	ĐẠT
995	35221020169	0996	Nguyễn Tường	Vy	10/07/1998	0	0	0	
996	35211025518	0997	Phan Thị Tường	Vy	08/11/2000	41.5	9	50.5	ĐẠT
997	88214020058	0998	Phạm Mỹ	Vy	21/06/2000	0	0	0	
998	35221020514	0999	Trương Thanh	Vy	01/04/2000	BM2	BM2	BM2	VTCP
999	35221021245	1000	Võ Thị Thúy	Vy	20/03/1998	56	19	75	ĐẠT
1000	HCMCD20204122	1001	Vũ Thị Hồng	Vy	05/3/1999	36	8	44	
1001	HCMVB120194241	1002	Trương Quang	Vý	05/08/1995	38.5	12	50.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
1002	35221020074	1003	Lê Nguyễn Kim	Xuân	27/01/1998	57	18	75	ĐẠT
1003	35221020453	1004	Lê Thanh	Xuân	10/04/1999	54.5	16	70.5	ĐẠT
1004	33221020192	1005	Mai Thị	Xuân	24/04/1986	37	14	51	ĐẠT
1005	35221020328	1006	Nguyễn Thị Mỹ	Xuân	25/11/2000	52	16	68	ĐẠT
1006	35201020306	1007	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	06/07/1993	31	9	40	
1007	35221025448	1008	Phạm Thị Thu	Xuân	22/10/2000	32.5	11	43.5	
1008	86221020167	1009	Thái Thị	Xuân	13/07/1992	32.5	3	35.5	
1009	HCMVB220212001	1010	Trần Thị Minh	Xuân	16/05/1978	58.5	12	70.5	ĐẠT
1010	33211020253	1011	Trần Thị Mỹ	Xuân	13/01/1984	40.5	13	53.5	ĐẠT
1011	35221020629	1012	Đặng Thị	Xuyến	01/06/1996	39	11	50	ĐẠT
1012	HCMVB120181233	1013	Huỳnh Kim	Xuyến	06/4/1996	42.5	8	50.5	ĐẠT
1013	35221020389	1014	Lương Hoàng	Yên	21/08/1998	37	13	50	ĐẠT
1014	35221020883	1015	Nguyễn Hoàng	Yên	03/05/2001	36	9	45	
1015	35211570007	1016	Nguyễn Thị Bạch	Yên	11/08/1980	ĐCT	ĐCT	ĐCT	
1016	35221025268	1017	Phạm Hồng	Yên	01/09/2001	49	15	64	ĐẠT
1017	35221025185	1018	Phạm Nguyễn Hoàng	Yên	21/04/2000	16	9	25	
1018	35221020656	1019	Trần Nguyễn Hoàng	Yên	27/06/2001	58	17	75	ĐẠT
1019	33231020070	1020	Trịnh Phi	Yên	13/03/1999	56.5	17	73.5	ĐẠT
1020	35211020533	1021	Ngô Thị Như	Ý	01/04/1999	53.5	12	65.5	ĐẠT

STT	MSSV	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Đọc - Viết /80	Nghe - Hiểu /20	Tổng điểm /100	Kết quả
1021	35211020072	1022	Phạm Thị Như	Ý	10/10/1999	28.5	3	31.5	